

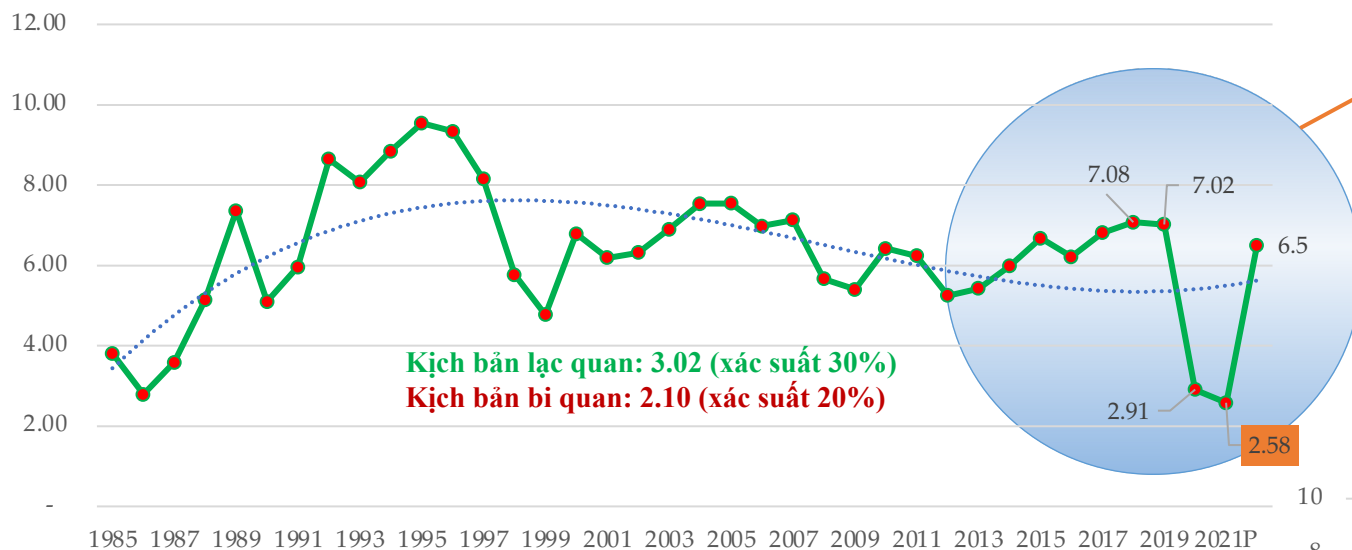
Bài giảng 22: Kinh tế Việt Nam dưới tác động của COVID-19

Đỗ Thiên Anh Tuấn

Trường Chính sách Công và Quản lý Fulbright

Tăng trưởng GDP

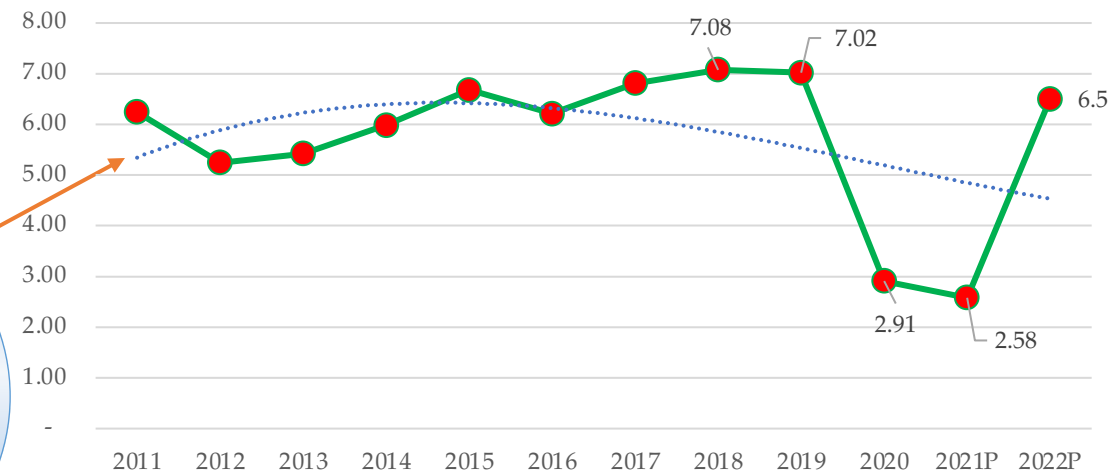
Tăng trưởng GDP Việt Nam 1985-2022



Nguồn: GSO Việt Nam và dự báo của tác giả

- Tăng trưởng 2021 đạt 2.58%, là **mức tăng trưởng thấp nhất của VN kể từ khi Đổi mới.**
- Đợt dịch COVID-19 lần 4 chưa từng có:
 - Các lệnh đóng cửa, giãn cách, cách ly, phong tỏa, cắt cử...
 - Đứt gãy chuỗi cung ứng quy mô quốc tế
 - Gián đoạn nguồn cung lao động phạm vi toàn quốc
 - Việc làm và thu nhập bị bào mòn
 - Chính sách tập trung an sinh xã hội
 - Duy trì hoạt động kinh tế ở mức tối thiểu...

Tăng trưởng GDP Việt Nam 2011-2022

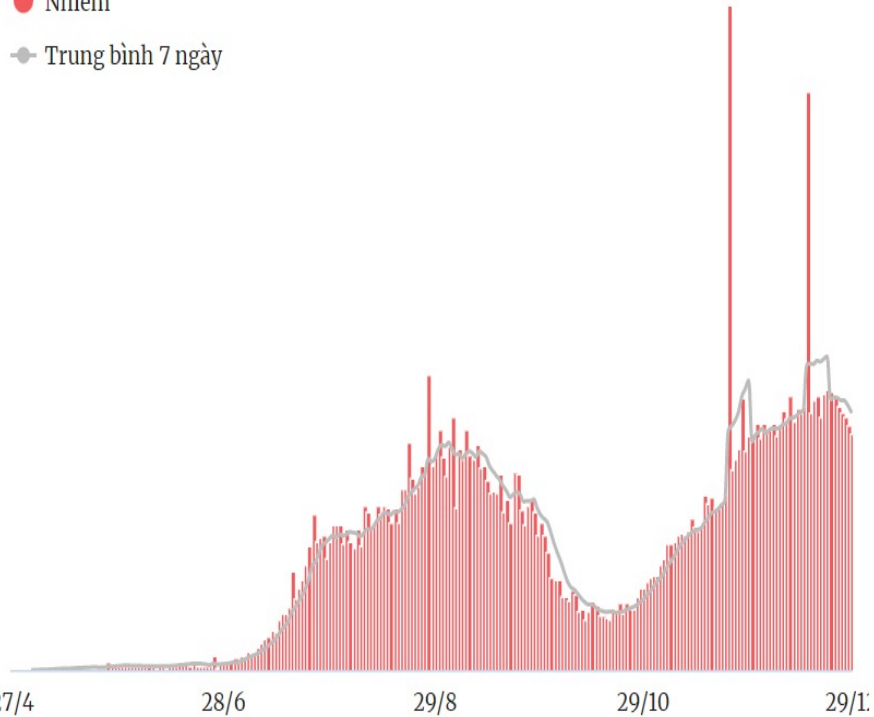


Tăng trưởng các quý giai đoạn 2018-2022



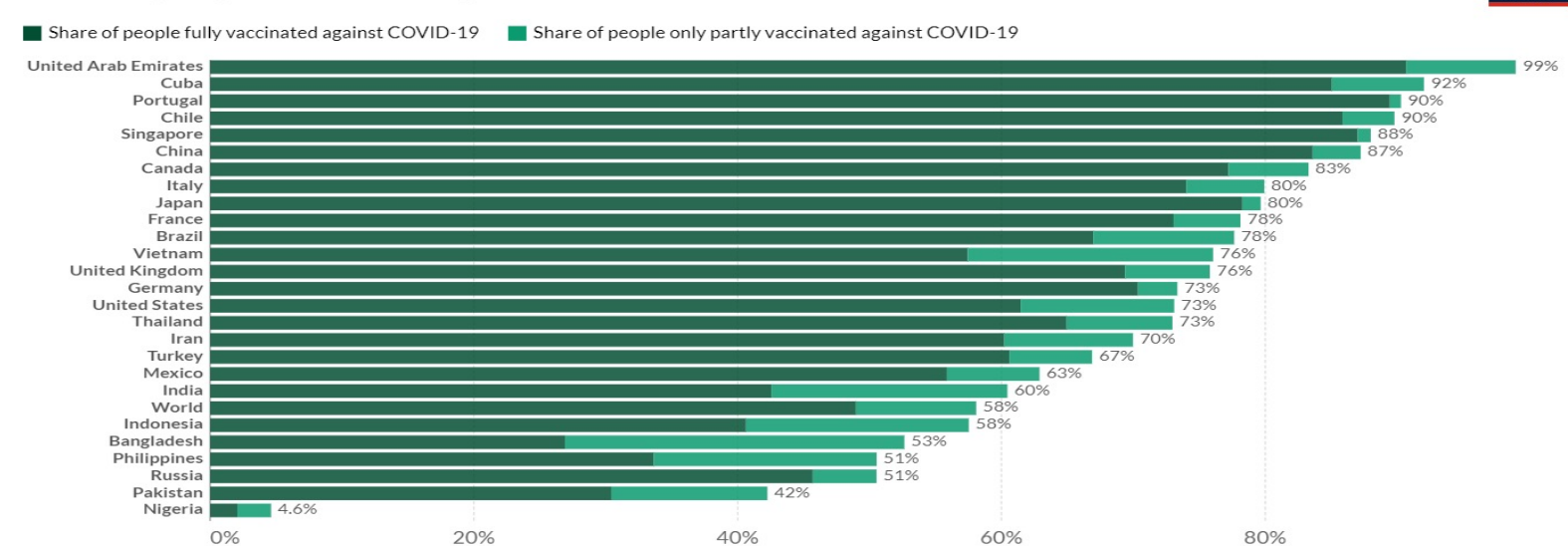
Nguồn: GSO Việt Nam và dự báo của tác giả

● Nhiễm
— Trung bình 7 ngày

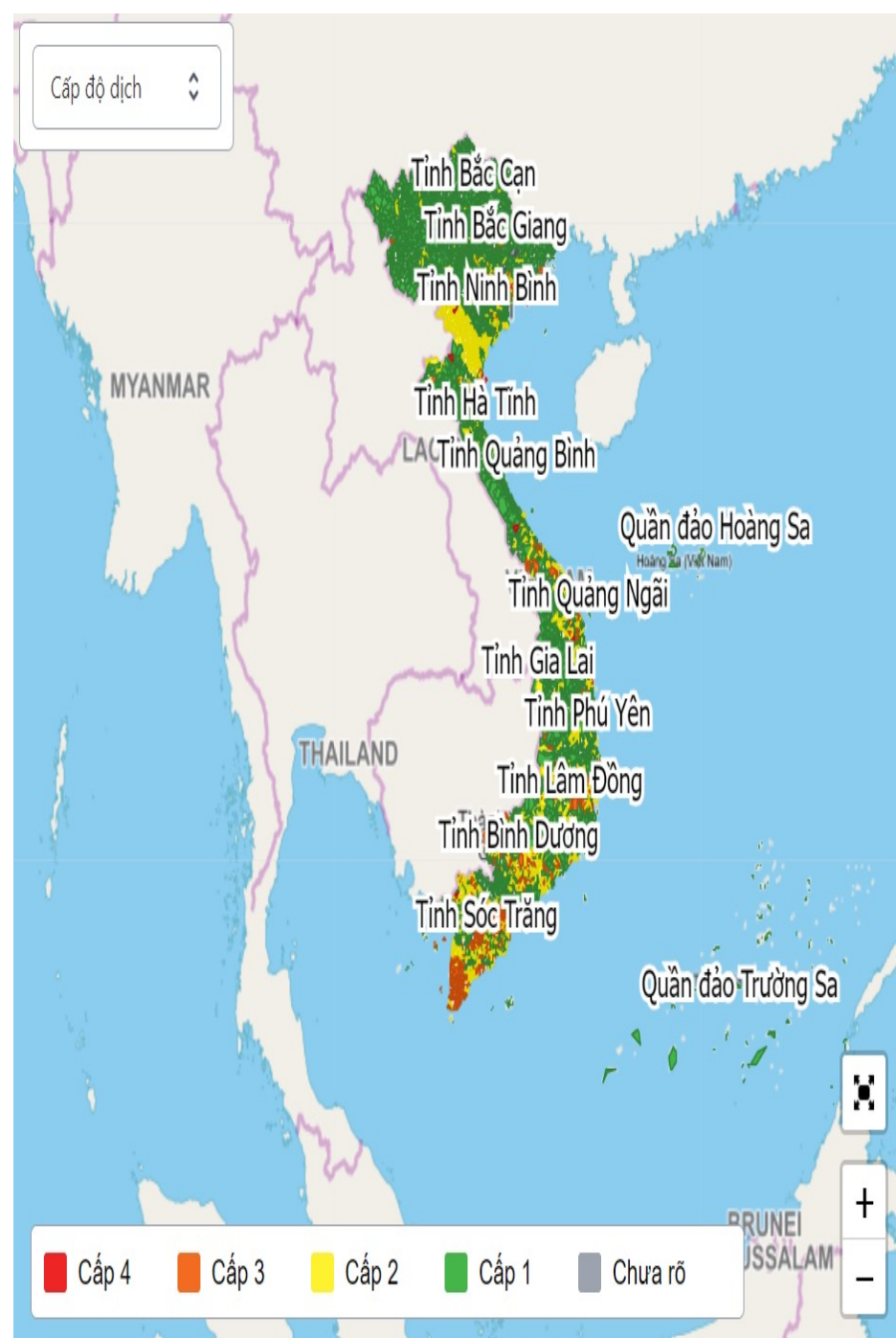


- Bối cảnh COVID-19 ở VN:**
- Đợt dịch lần 4 đang dần được kiểm soát tốt, nhất là ở các tỉnh Vùng KTTĐPN – nơi đóng góp hơn 45% GDP, 40% ngân sách, hơn 10 triệu việc làm cho cả nước.
 - Tỷ lệ bao phủ vaccine tăng rất nhanh, hiện đạt gần 20% dân số tiêm đủ 2 mũi.
 - Nhiều địa phương chuyển lên vùng xanh, mở lại kinh tế, trở lại trạng thái “bình thường mới”

Share of people vaccinated against COVID-19, Dec 29, 2021



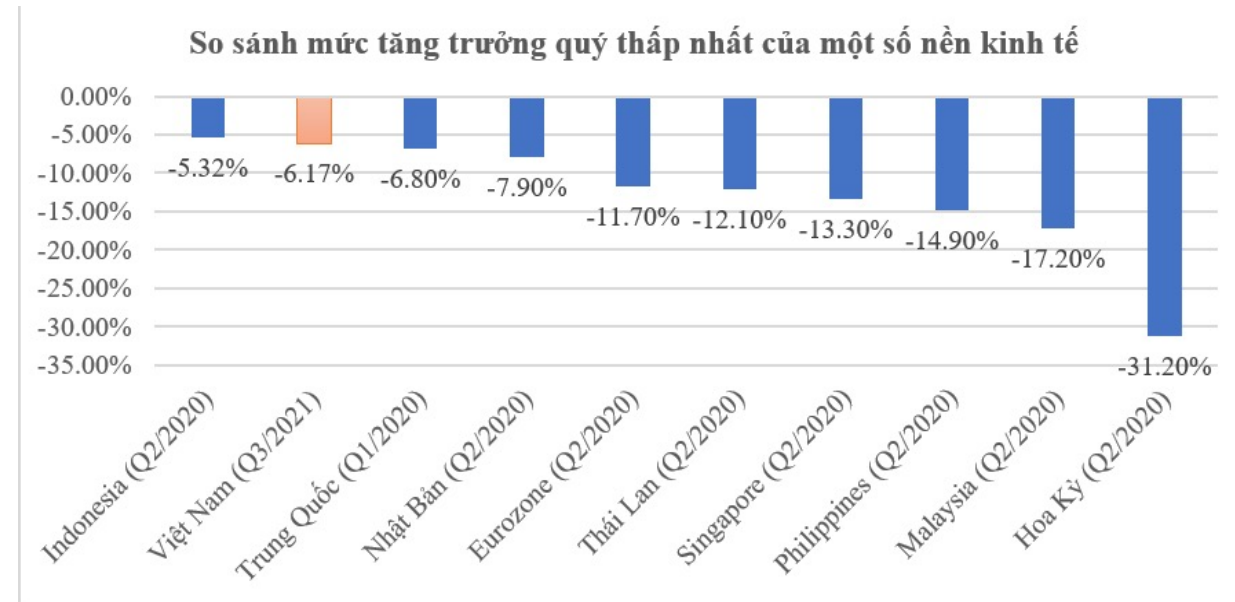
Source: Official data collated by Our World in Data
Note: Alternative definitions of a full vaccination, e.g. having been infected with SARS-CoV-2 and having 1 dose of a 2-dose protocol, are ignored to maximize comparability between countries.



CC BY

Triển vọng phục hồi của kinh tế VN so sánh với các nước

- Mức tăng trưởng theo quý thấp nhất của VN (Q3/2021) vẫn cao hơn nhiều so với phần lớn các nước khác.
- Tuy nhiên đáy tăng trưởng của nhiều nước là Q2/2020 trong khi VN là Q3/2021.
- Các nước thường mất từ **3-5 quý tăng trưởng âm liên tiếp** trước khi lấy lại tăng trưởng dương.
- Khả năng phục hồi của các nền kinh tế tùy thuộc vào **4 yếu tố**:
 - Tình hình dịch bệnh;
 - Độ bao phủ vaccine;
 - Vấn đề cơ cấu nội tại của từng nước;
 - Phản ứng chính sách của chính phủ.

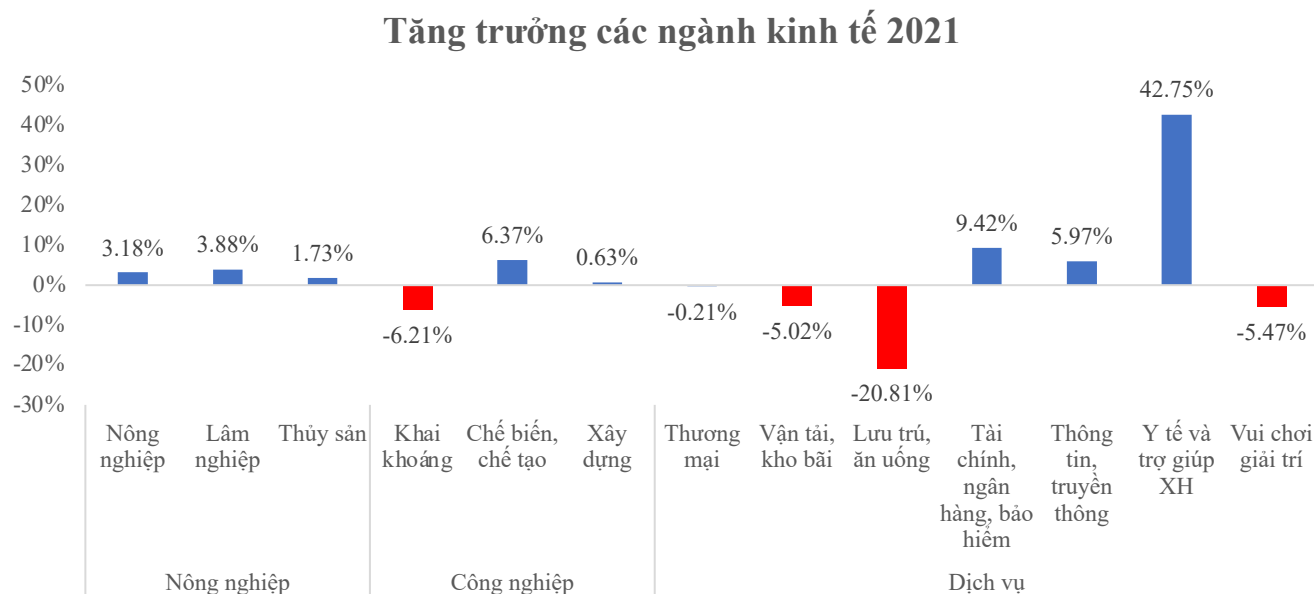
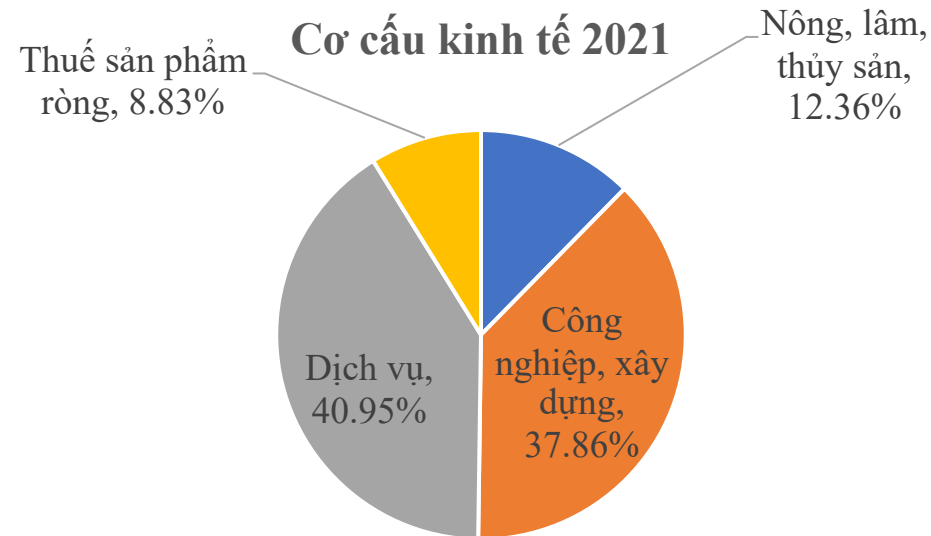
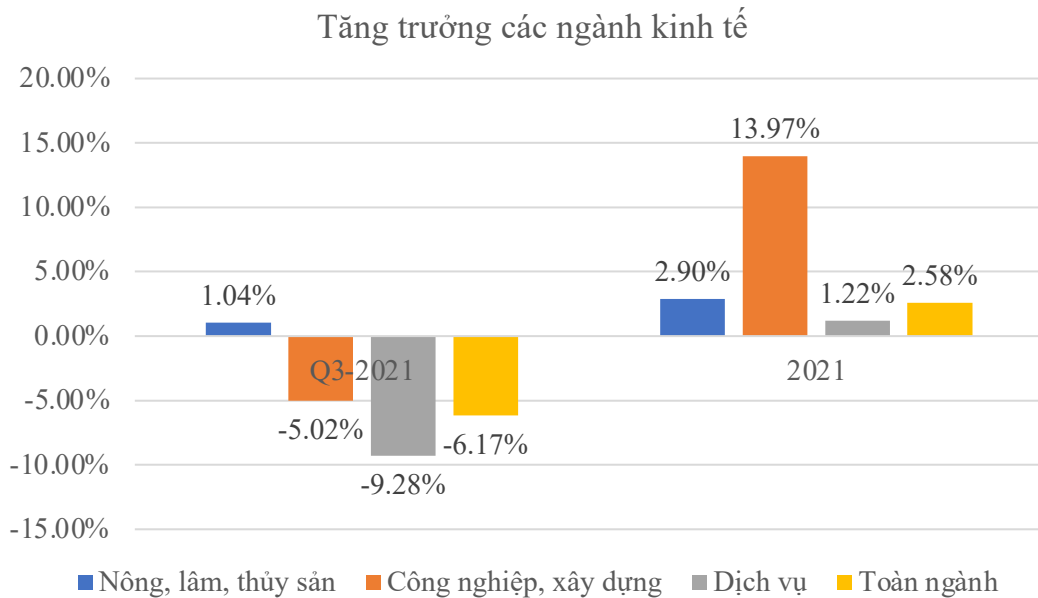


	Số Quý tăng trưởng âm	Giai đoạn
Nhật Bản	6	Q4:2019 - Q1:2021
Thái Lan	5	Q1:2020 - Q1:2021
Philippines	5	Q1:2020 - Q1:2021
EU	5	Q1:2020 - Q1:2021
Malaysia	4	Q2:2020 - Q1:2021
Indonesia	4	Q2:2020 - Q1:2021
Singapore	3	Q2:2020 - Q4:2020
Hàn Quốc	3	Q2:2020 - Q4:2020
Hoa Kỳ	3	Q2:2020 - Q4:2020
Ấn Độ	2	Q2:2020 - Q3:2020
Việt Nam	1	Q3:2021
Trung Quốc	1	Q1:2020

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Phía cung

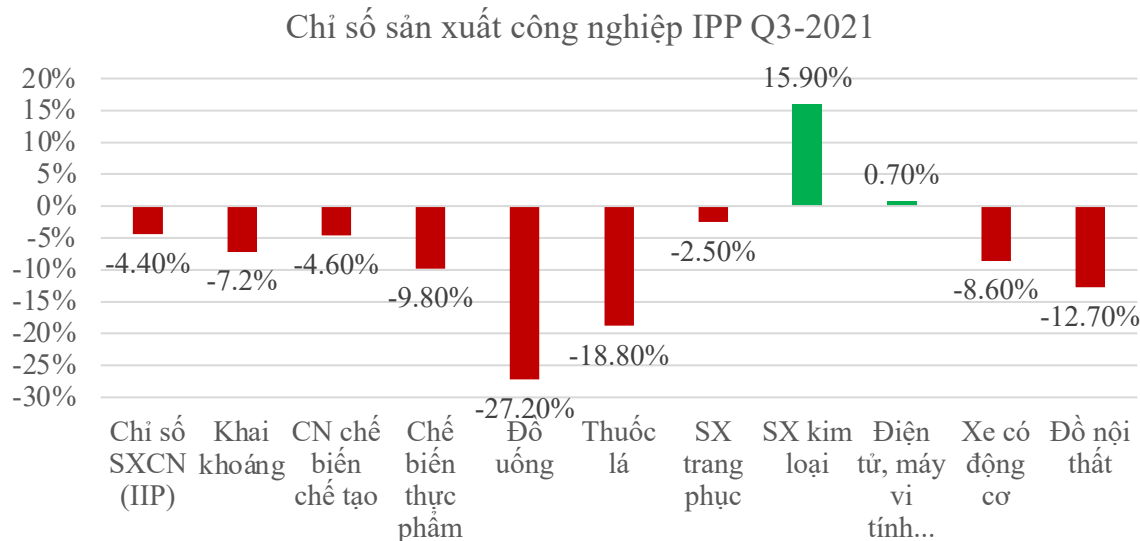
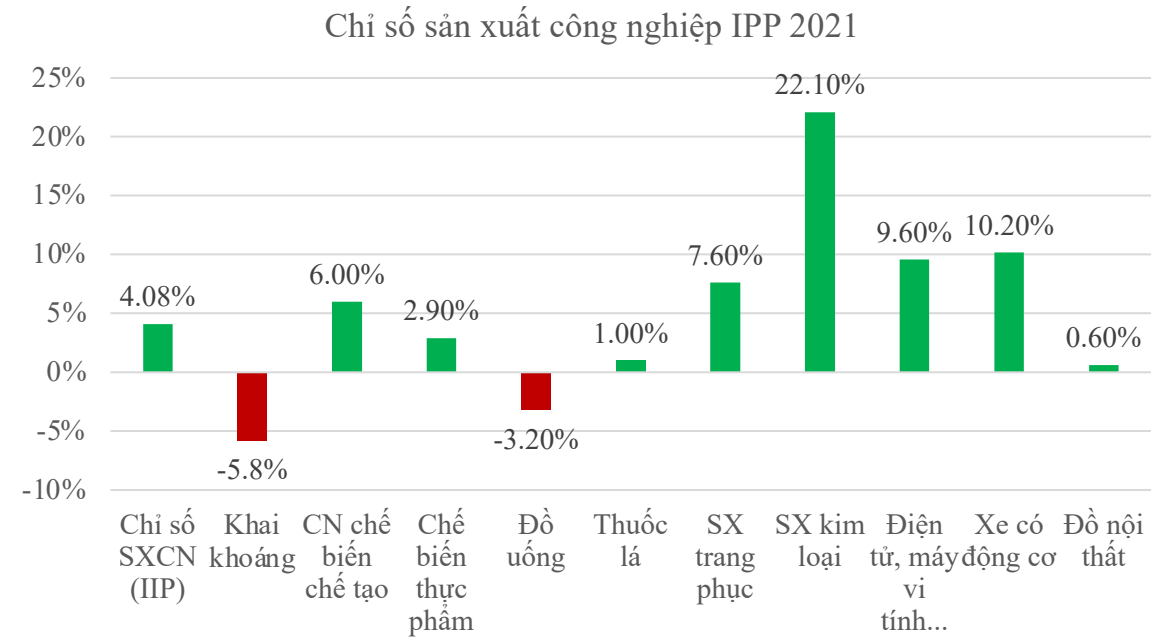
- ❖ Dù Q3 tăng trưởng âm, song kinh tế 2021 vẫn đạt mức tăng trưởng dương 2.58%.
- ❖ Nông nghiệp khẳng định là “bệ đỡ” cho nền kinh tế với mức tăng trưởng dương duy nhất trong Q3. Tuy nhiên nông nghiệp chỉ đóng góp 13.97% vào tăng trưởng giá trị gia tăng (VA) của nền kinh tế.
- ❖ Công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đều tăng trưởng âm trong Q3. Trừ một số lĩnh vực dịch vụ, hầu hết các ngành đều phục hồi rõ nét trong Q4.
- ❖ Tính chung cả năm, chỉ có dịch vụ tăng trưởng dương 1,22% là điều đáng ghi nhận, đóng góp đến 22,23% vào tăng trưởng VA.
- ❖ Công nghiệp và xây dựng tăng trưởng 4.05%, đóng góp đến 63,8% vào tăng trưởng VA. Đặc biệt, CN chế biến chế tạo tăng trưởng đến 6,37%, đóng góp 1,61 điểm % vào tăng trưởng VA.



Sản xuất công nghiệp

2021

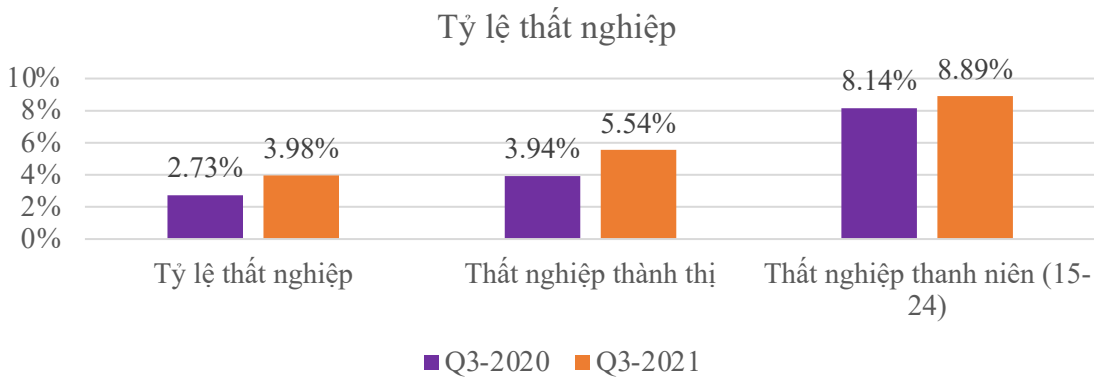
- Chỉ số IPP 2021 **tăng 4,08%**.
- Ngành khai khoáng tiếp tục suy giảm sâu 5,8%.
- Công nghiệp chế biến chế tạo tăng 6%, trong đó SX kim loại tăng rất cao 22,1%; xe cơ động cơ tăng 10,2%.
- Ngành đồ uống giảm 3,2%.



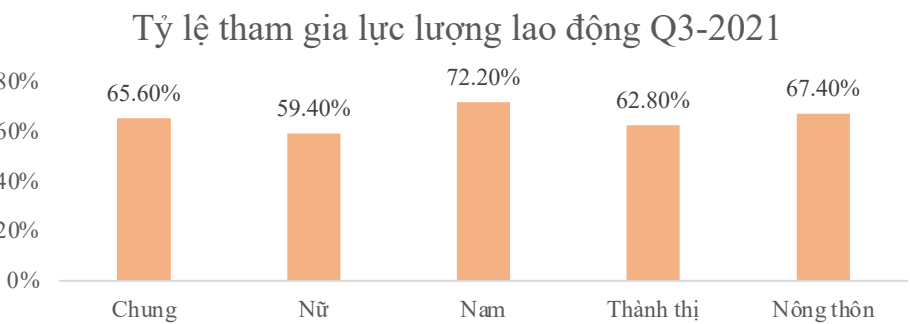
Quý 3-2021

- Chỉ số IPP Q3-2021 **giảm 4.4%** so cùng kỳ.
- Hầu hết các ngành đều suy giảm, trong đó suy giảm sâu gồm đồ uống, thuốc lá, xe cơ động cơ, đồ nội thất, thuốc, hóa dược, nhựa, cao su, thiết bị điện...
- Một số ngành vẫn duy trì tăng trưởng dương như điện tử, máy vi tính, đặc biệt sản xuất kim loại vẫn tăng đến gần 16%, sản xuất than cốc tăng 34%...

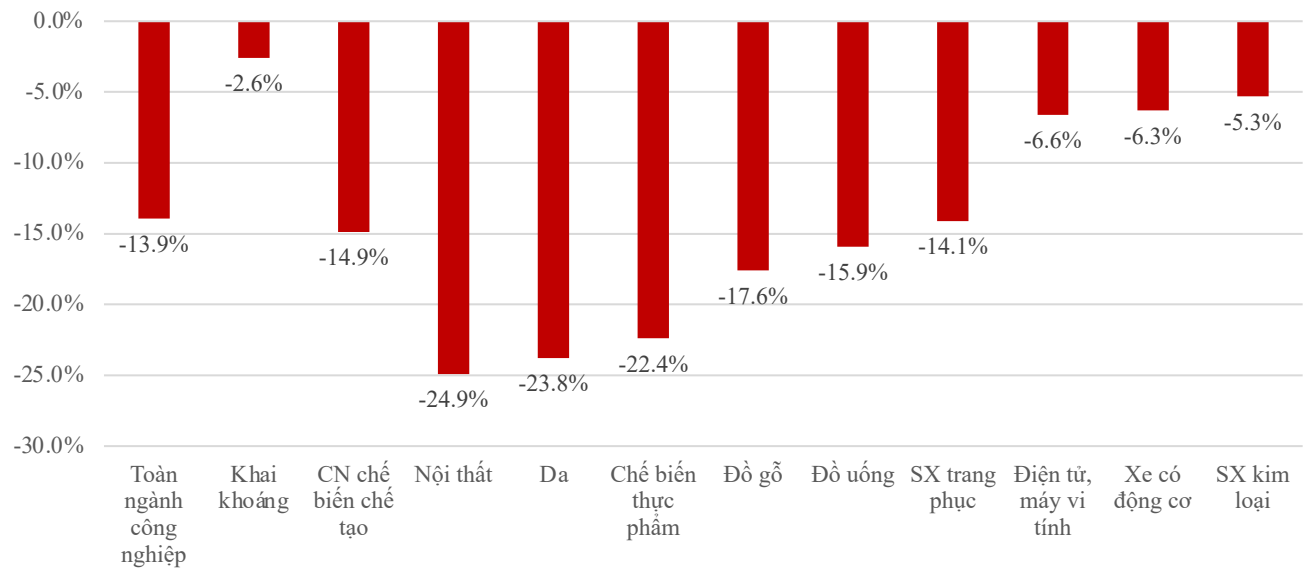
Lao động – việc làm



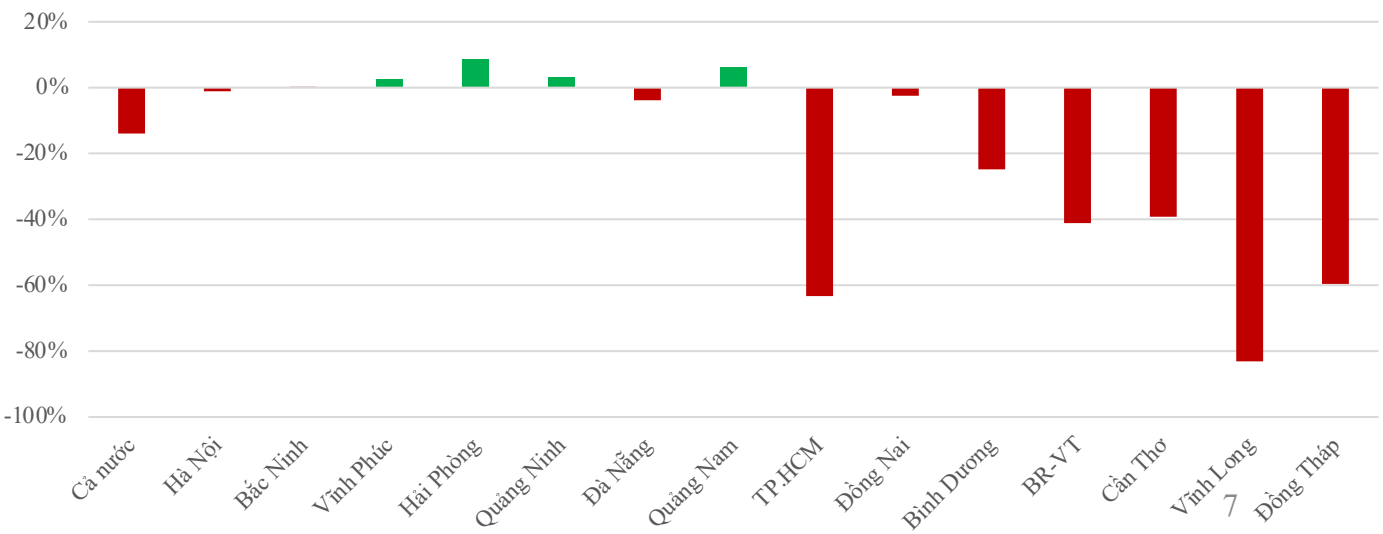
- Tỷ lệ TN tăng so với cùng kỳ, TN thành thị cao hơn nông thôn, TN thanh niên cao hơn đứng tuổi.
- Tỷ lệ tham gia LLLĐ thấp kỷ lục: nữ thấp hơn nam, thành thị thấp hơn nông thôn.
- Các tỉnh/thành phía Nam và ĐBSCL bị tác động nặng nề hơn các tỉnh/thành phía Bắc và miền Trung.



Chỉ số sử dụng lao động 1/9/2021 so với cùng thời điểm 2020



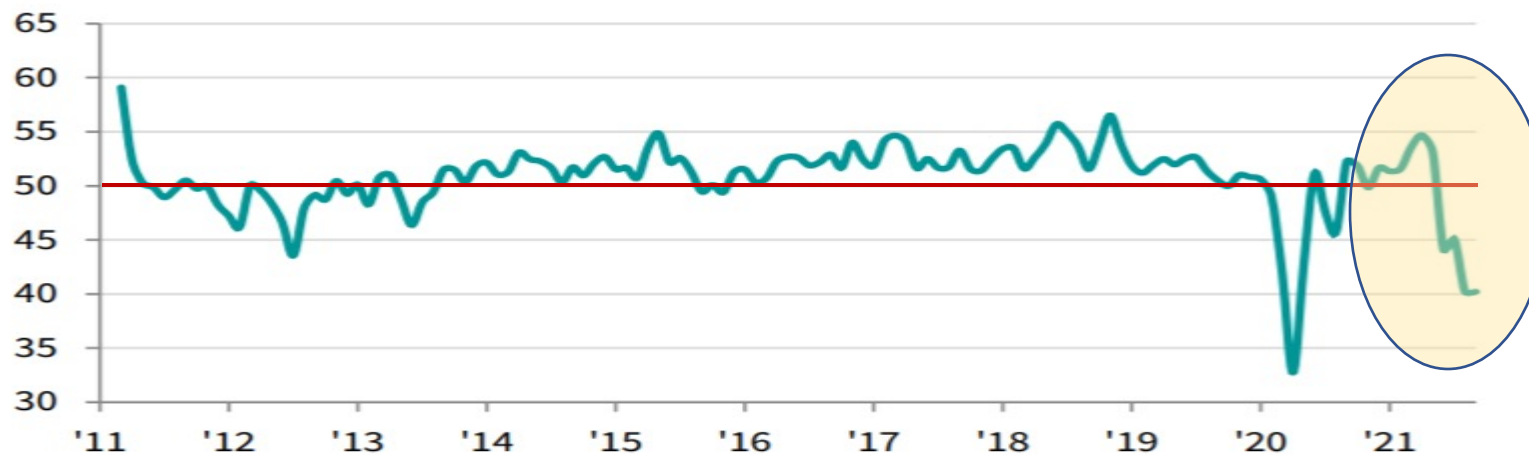
Chỉ số sử dụng lao động các địa phương 01/9/2021 so cùng thời điểm 2020



Chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (PMI)

PMI Ngành Sản xuất Việt Nam

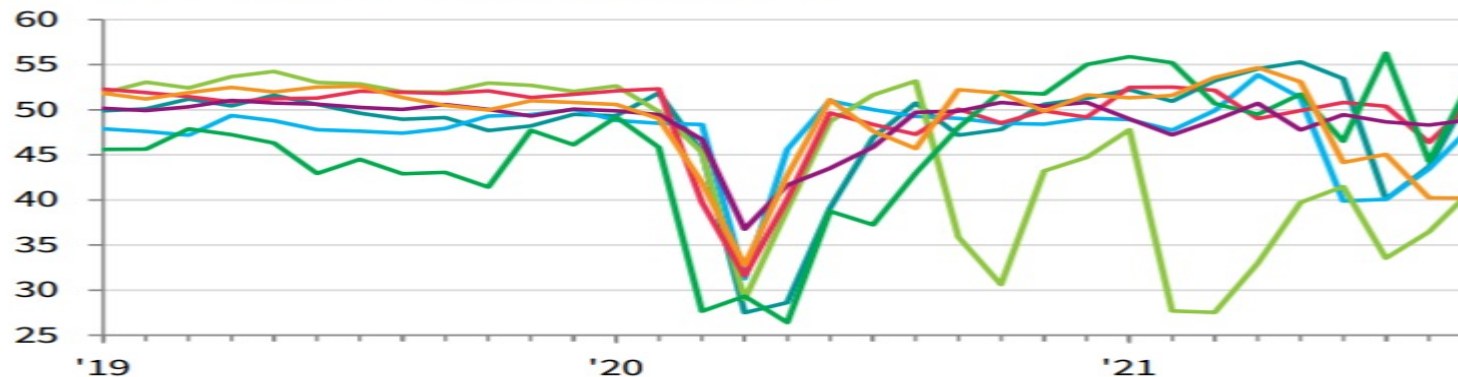
Điều chỉnh theo mùa, >50 = cải thiện so với tháng trước



PMI Ngành sản xuất

Indonesia / Malaysia / Myanmar / Philippines
Singapore / Thái Lan / Việt Nam

Điều chỉnh theo mùa, >50 = cải thiện so với tháng trước

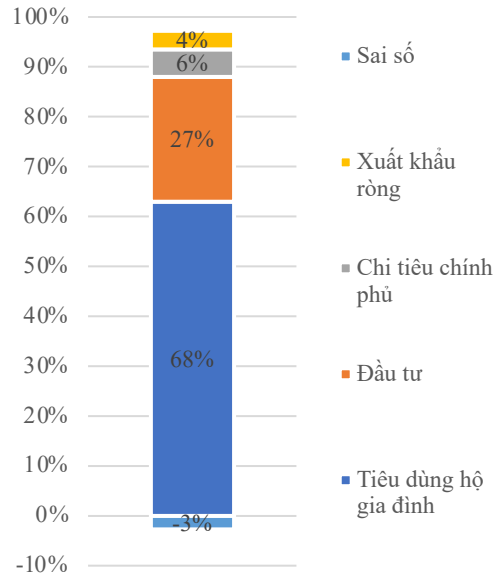


Nguồn: IHS Markit.

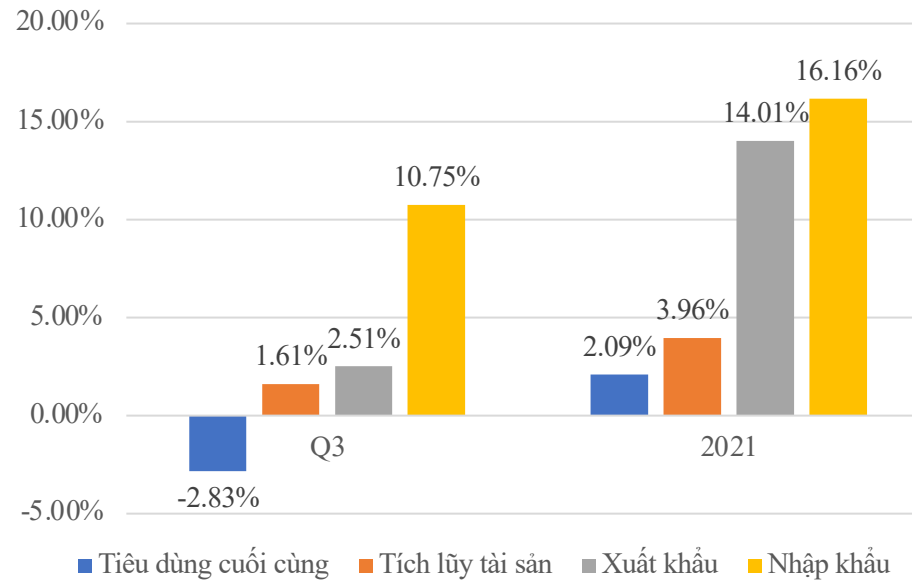
- Sản lượng của lĩnh vực sản xuất Việt Nam tiếp tục giảm mạnh trong tháng 9; số lượng đơn đặt hàng mới cũng giảm mạnh và tốc độ giảm việc làm cũng gia tăng đáng kể.
- Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất của VN đạt mức 40,2 điểm trong tháng 9, kéo dài 4 tháng liên tiếp dưới 50 điểm, cho thấy các điều kiện kinh doanh đã suy giảm đáng kể.
- **Mặt tích cực** là dịch bệnh đang được kiểm soát tốt, bao phủ vaccine tăng nhanh, nhiều địa phương bắt đầu nới lỏng giãn cách và **tái mở cửa kinh tế**.
- Dự báo doanh nghiệp có thể tăng trưởng trở lại trong Quý 4/2021.

Tổng cầu

Cơ cấu tổng cầu

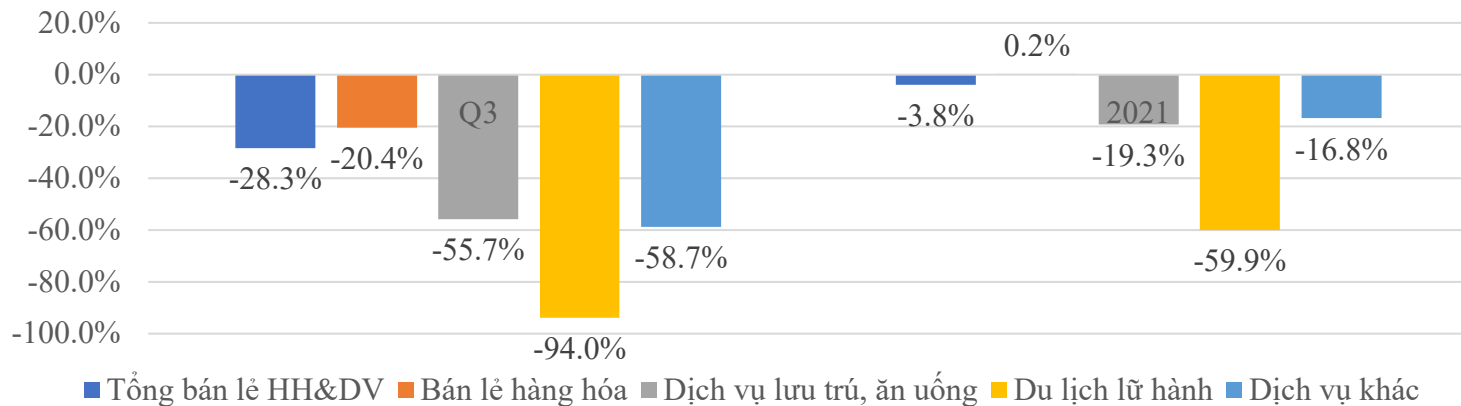


Sử dụng thu nhập Q3 vs. cả năm 2021

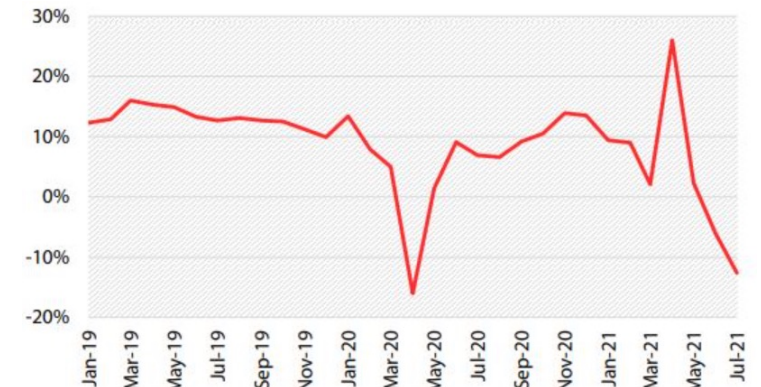


- Tiêu dùng cuối cùng giảm mạnh trong Q3 cho thấy thu nhập bị bào mòn và tình trạng thất lưng buộc bụng.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng Q3 giảm đến 28.3%, cả năm giảm 3.8%.
- Do tiêu dùng cuối cùng chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu tổng cầu nên tác động của suy giảm sức cầu tiêu dùng là rất nghiêm trọng.

Sức mua hàng hóa, dịch vụ



Tăng trưởng thị trường bán lẻ so cùng kỳ

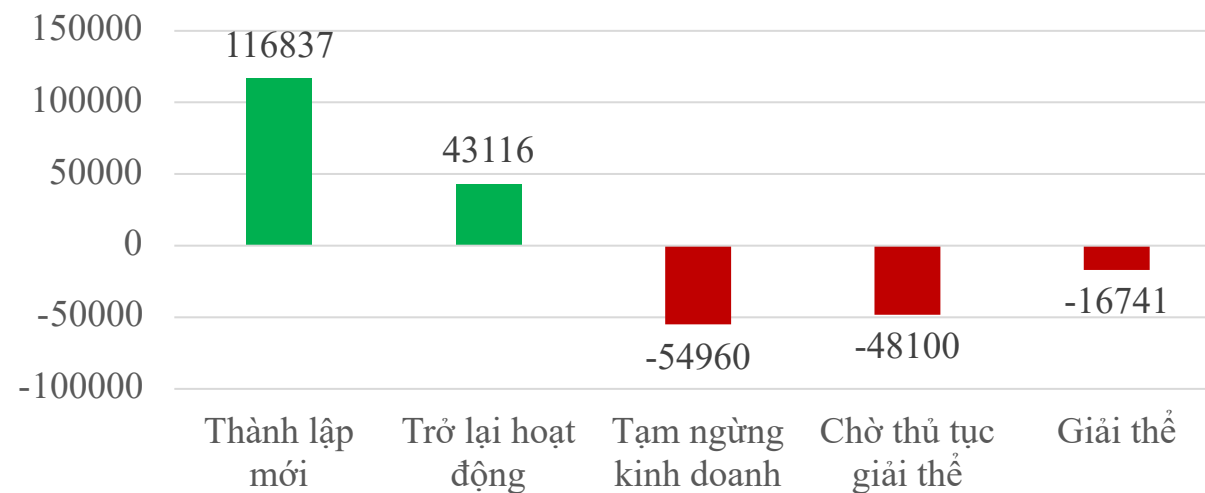


Nguồn: GSO và CTCK Rồng Việt

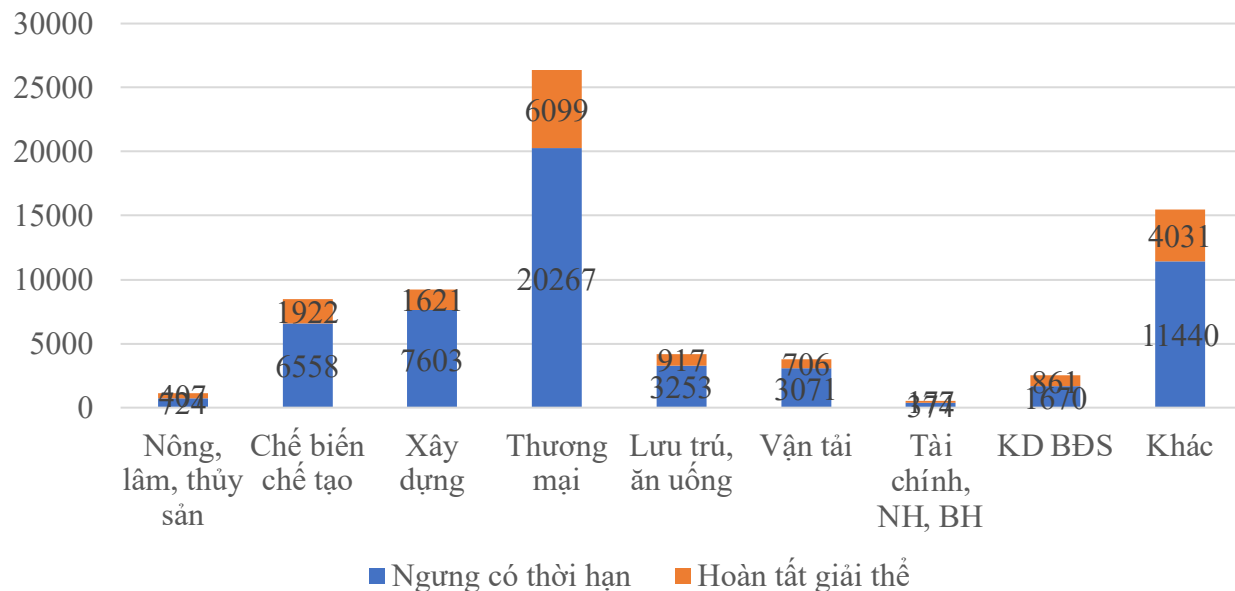
Doanh nghiệp

- Tổng số DN thành lập mới và quay lại hoạt động 2021 là **159.953 DN, trong đó 116.838 là DN mới.**
 - Các ngành nhiều DN thành lập mới là thương mại, CN chế biến chế tạo, xây dựng...
- Tổng số DN tạm ngừng KD, chờ hoặc đã giải thể là **hơn 119.800 DN.**

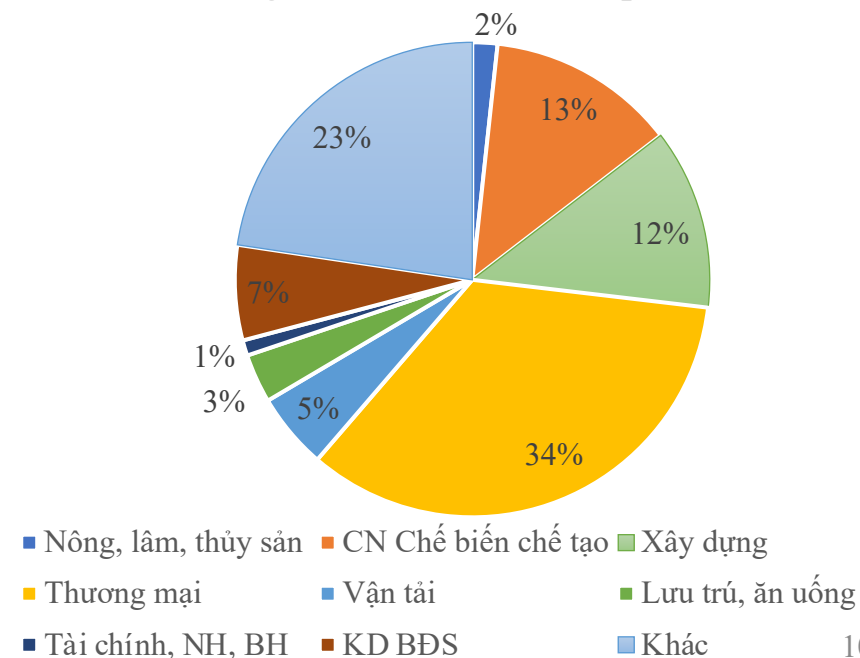
Thành hình thành lập và đóng cửa doanh nghiệp 2021



Số lượng DN ngưng có thời hạn và hoàn tất giải thể 9T-2021

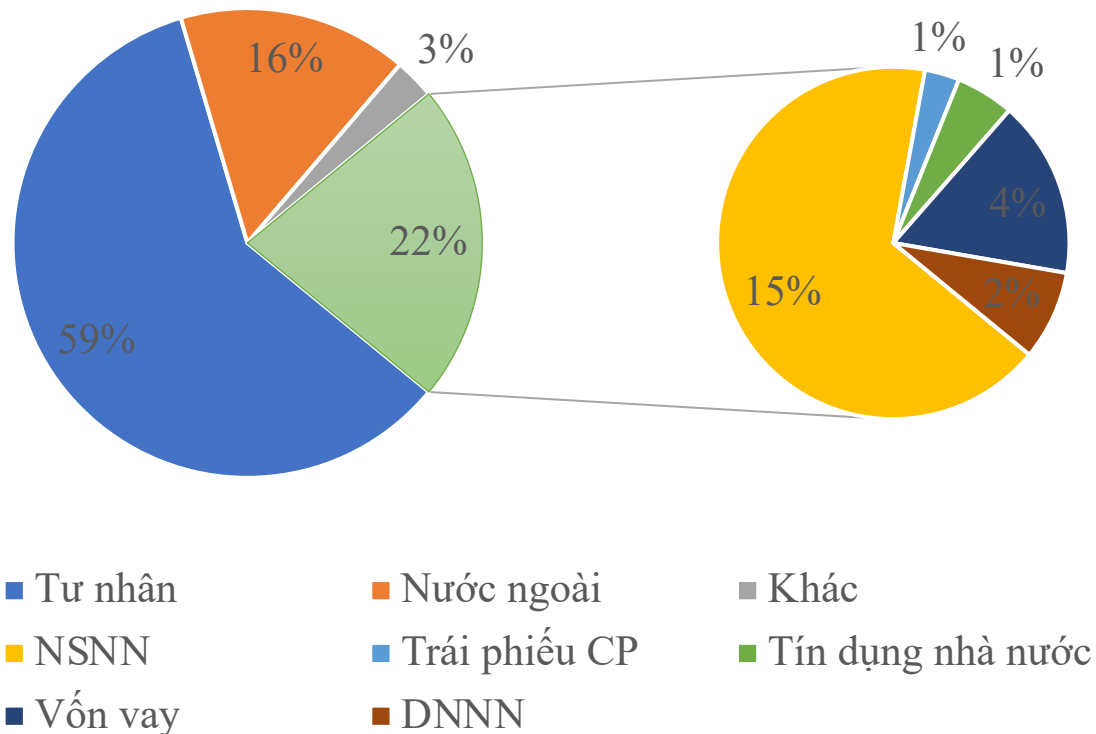


Cơ cấu ngành của DN thành lập mới 2021



Đầu tư

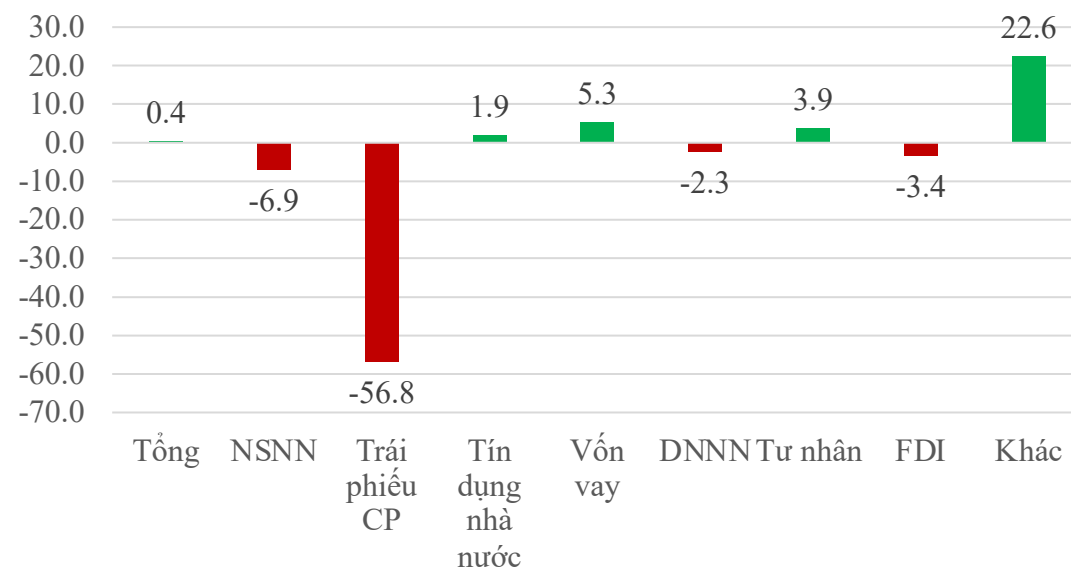
Cơ cấu vốn đầu tư xã hội 9T-2021



Nguồn: GSO Việt Nam

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 2021 đạt 2,891 triệu tỉ VNĐ (chiếm 34,4% GDP), tăng 3,2% so 2020.
- Vốn đầu tư tư nhân chiếm gần 59,5% (tăng 7,2% so 2020), vốn đầu tư nước ngoài chiếm 15,8% (giảm 1,1%), còn lại 25% vốn đầu tư thuộc khu vực nhà nước.

Tăng trưởng vốn đầu tư 2021 (%)

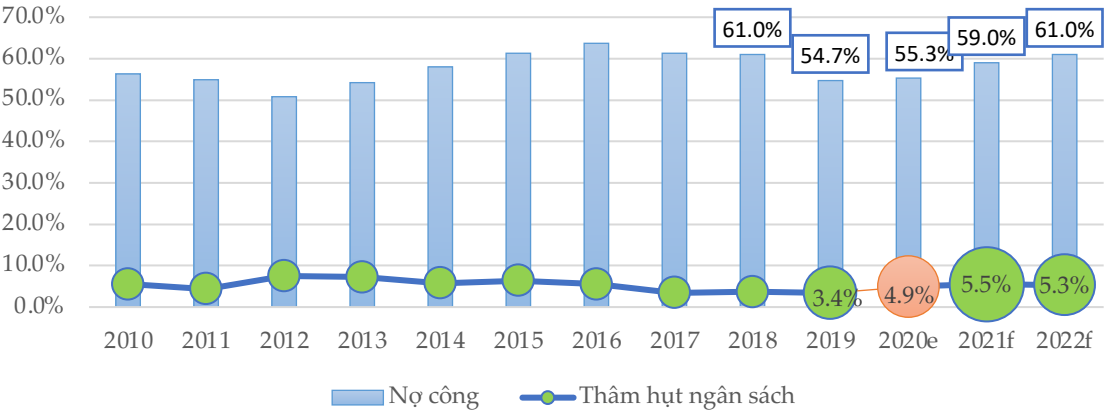


❖ **Vốn đầu tư của Nhà nước chưa thể hiện được vai trò của chính sách nghịch chu kỳ (counter-cyclical).**

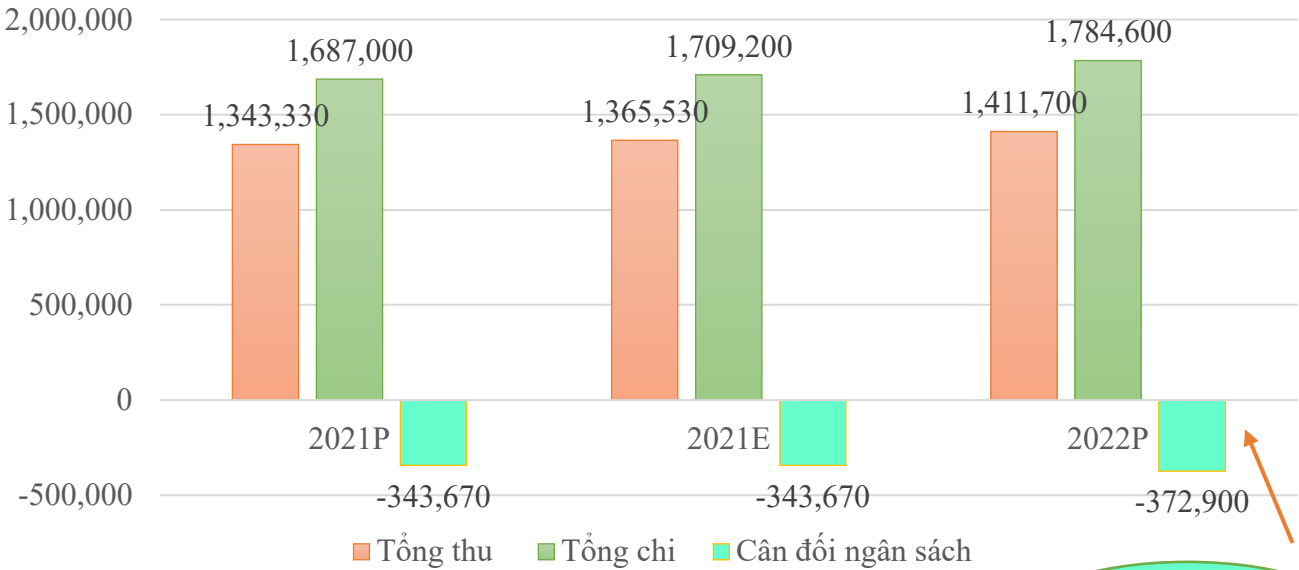
Cân đối NSNN

- **2021E:**
 - Bất chấp sự bùng phát COVID-19, thu ngân sách vẫn vượt dự toán 1,65%, nhưng giảm 9,4% so với TH 2020.
 - Tỷ lệ huy động vào ngân sách 16,1% GDP (21.5% GDP cũ), trong đó thuế, phí đạt 13,2% GDP (17,6% GDP cũ).
 - Chi NS ước tăng 1,3% so với dự toán.
 - Bội chi NS khoảng 4% GDP (5.3% GDP cũ).
 - Nợ công khoảng 43,7% GDP (58,3% GDP cũ)
- **2022P:**
 - Dự toán thu tăng 3,4% so UTH 2021 (trương đương 15,1% GDP).
 - Dự toán chi tăng 4,5% so UTH 2021.
 - Trả nợ gốc bằng 82% so UTH 2021.
 - Bội chi ngân sách tăng 8,5% (khoảng 4% GDP)
 - Tổng mức vay mới giảm nhẹ do trả nợ gốc giảm.
 - Mục tiêu nợ công 43-44% GDP cuối 2022 (57,3% - 58,7% GDP cũ).

Thâm hụt ngân sách và nợ công (% GDP)

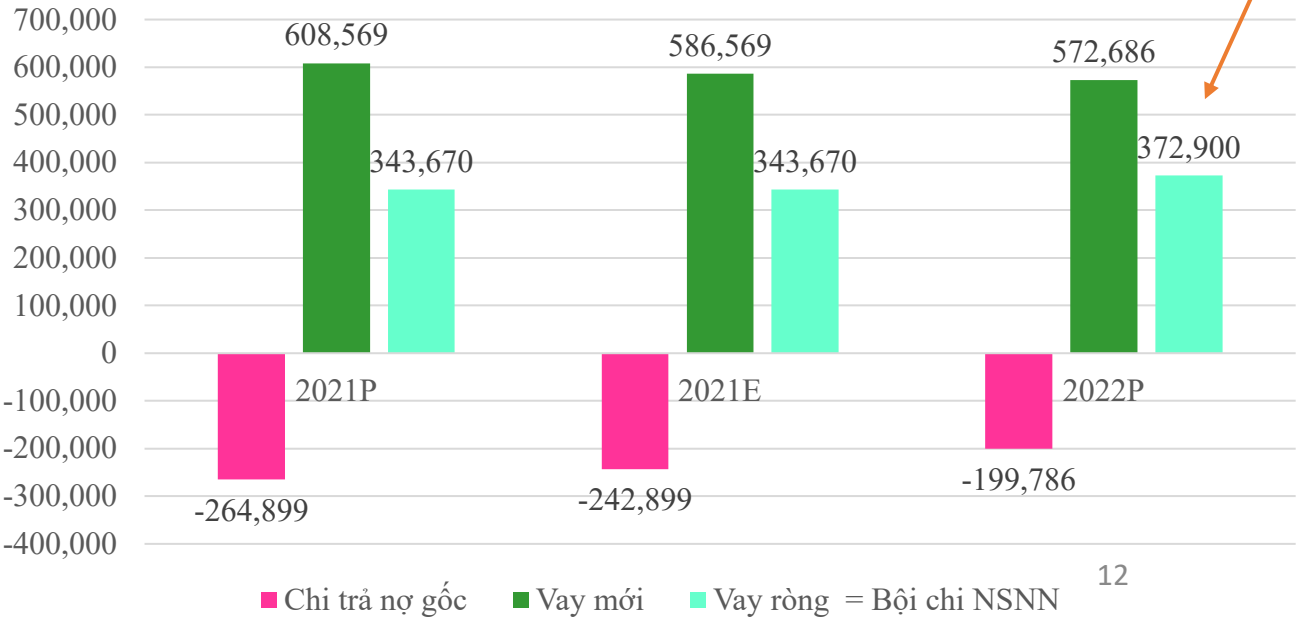


Thu - Chi và cân đối NSNN (tỷ VNĐ)



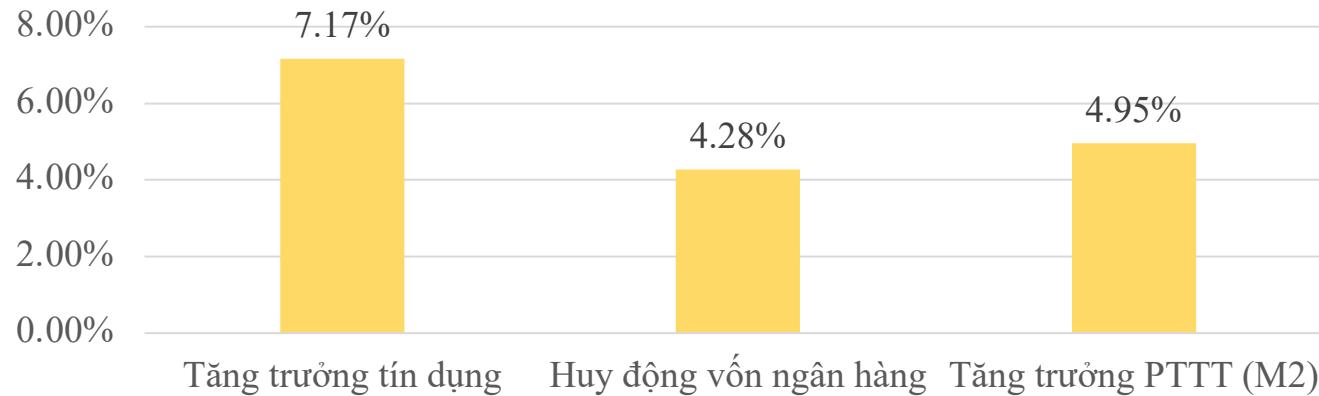
Thâm hụt
= vay ròng

Vay nợ ròng của Chính phủ (tỷ VNĐ)

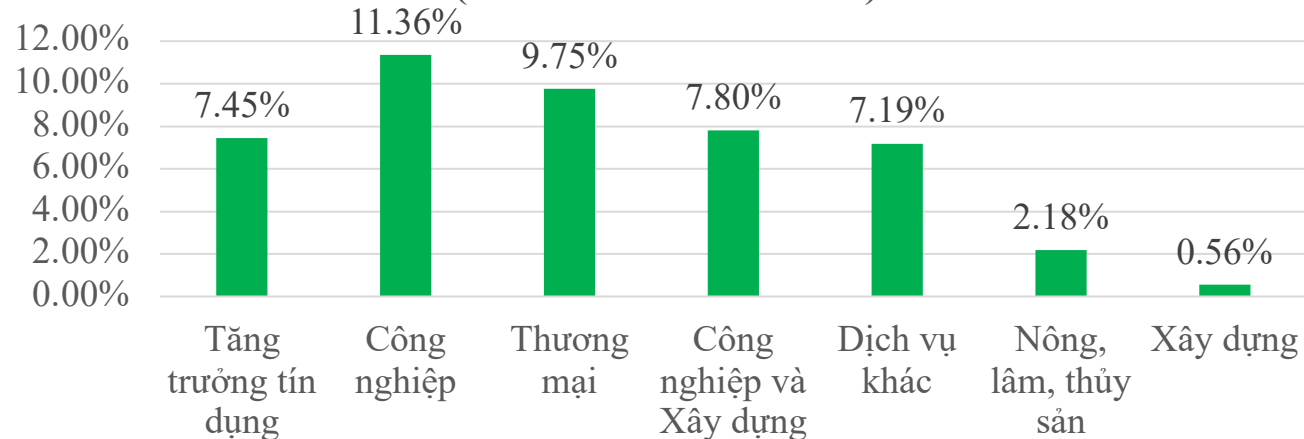


Thị trường tiền tệ

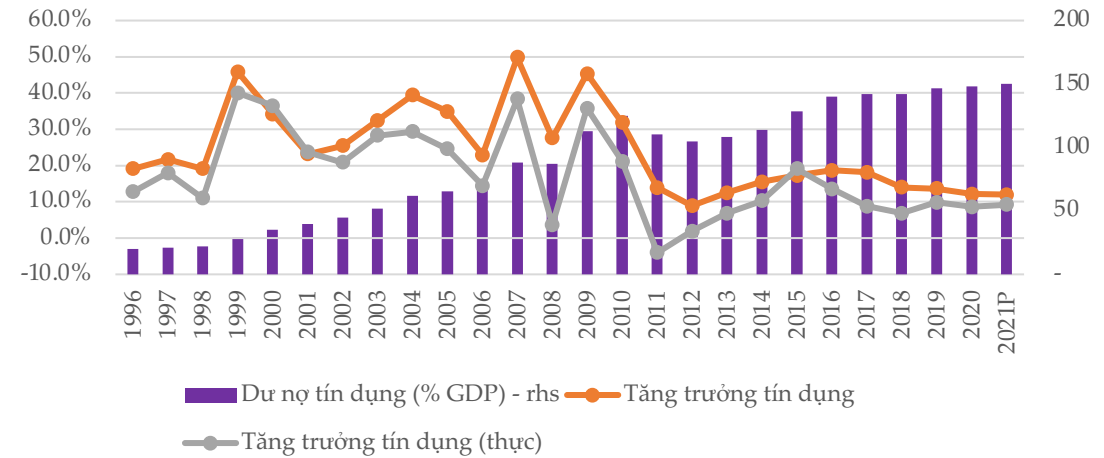
Khu vực Ngân hàng
(so với cuối năm 2020)



Tăng trưởng tín dụng các ngành kinh tế
(so với cuối năm 2020)

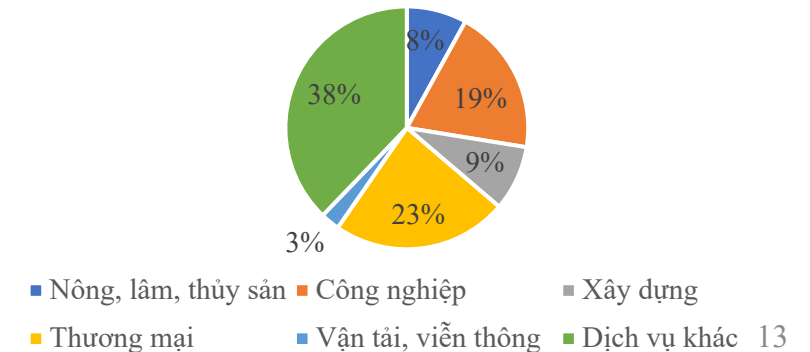


Quy mô và tăng trưởng tín dụng



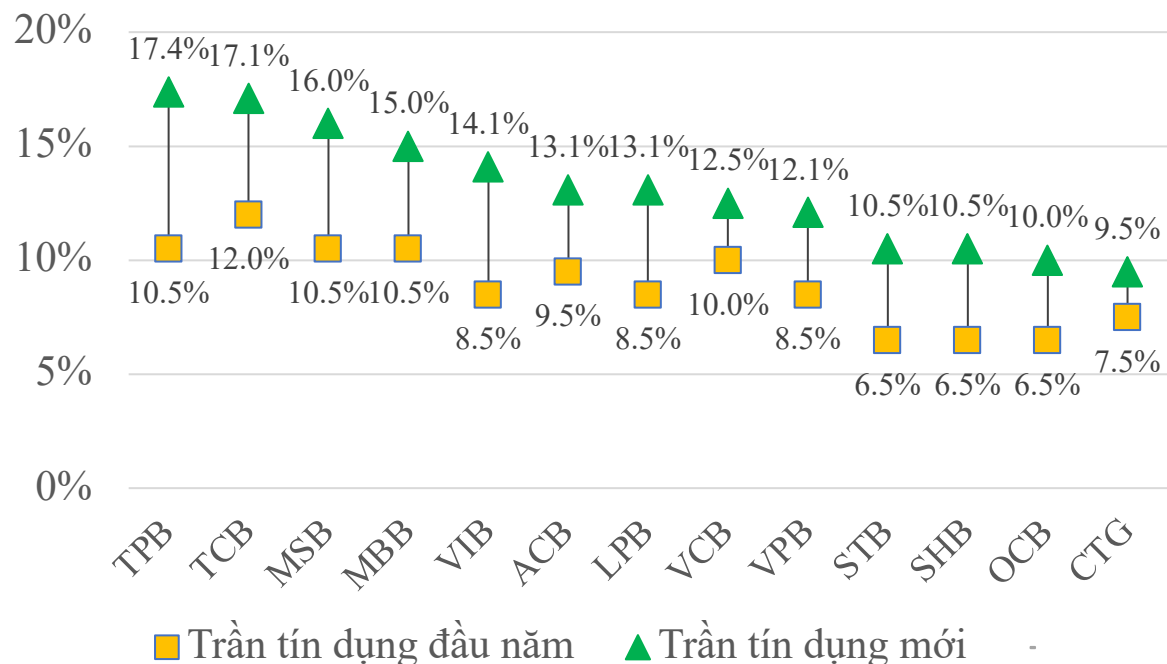
- Tăng trưởng huy động vốn 4,28%, tuy nhiên thanh khoản của hệ thống ngân hàng khá dồi dào.
- Tăng trưởng tín dụng đạt 7,17% so với cuối năm 2020 (cao hơn mức tăng cùng kỳ 4,99%).
- Tăng trưởng tín dụng ngành CN đạt 11,36%, trong khi ngành xây dựng chỉ tăng 0,56%.
- Nhiều ngân hàng đã chạm trần tăng trưởng tín dụng và đề nghị được nói trần.

Cơ cấu phân bổ tín dụng tính đến T8-2021



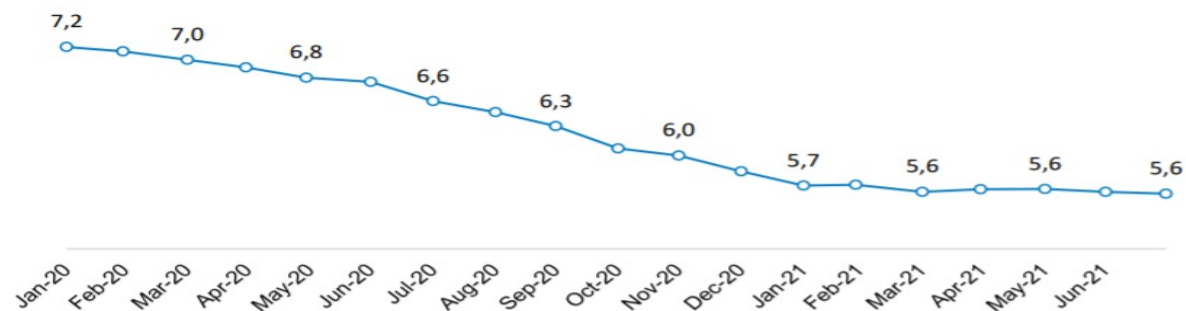
Chính sách tiền tệ

Trần tăng trưởng tín dụng của một số ngân hàng



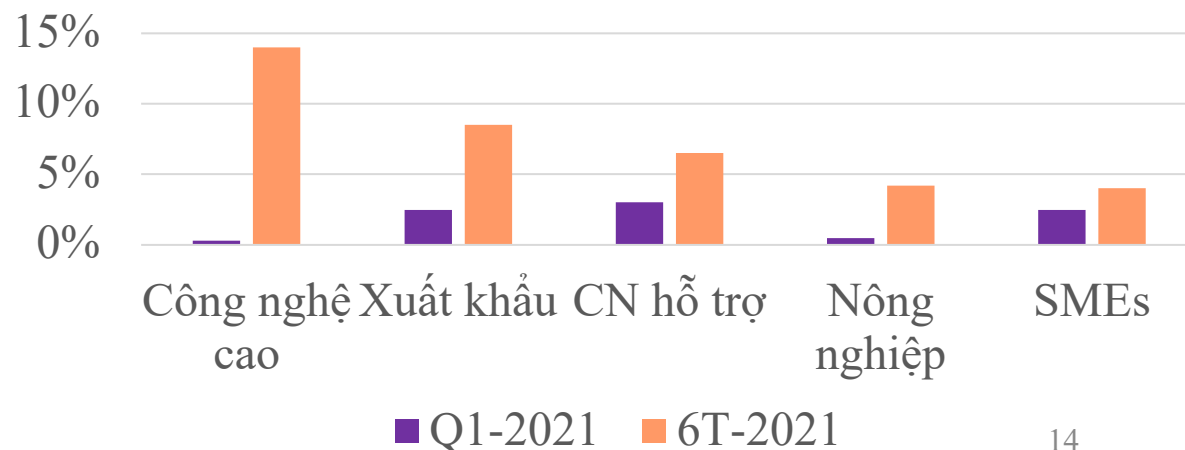
LÃI SUẤT HUY ĐỘNG 12M TRUNG BÌNH CỦA 25 NGÂN HÀNG

Nguồn: BVSC tổng hợp - Đơn vị: %/năm



- ❖ NHNN đã liên tiếp 3 lần điều chỉnh giảm các mức lãi suất với tổng mức giảm 1,5-2,0%/năm đối với lãi suất điều hành.
- ❖ Giảm 0,6-1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng.
- ❖ Giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên (hiện ở mức 4,5%/năm).
- ❖ 16 NH (chiếm 75% tổng dư nợ) đã thống nhất giảm lãi suất cho vay lên đến 1%/năm trên dư nợ hiện hữu VND (khoảng 20.613 tỷ đồng).
- ❖ Gần 230.000 tỉ đồng giãn, cơ cấu nợ cho 215.320 KH.

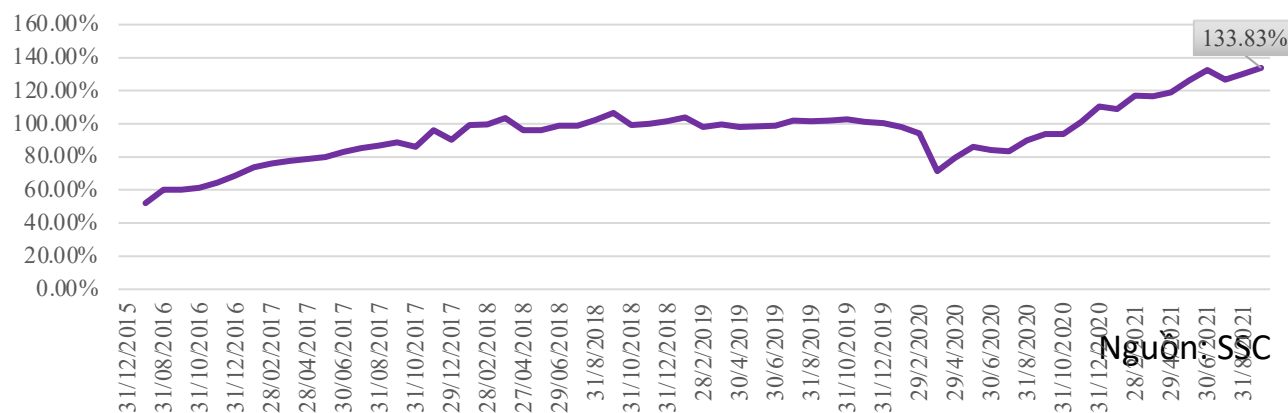
Tín dụng vào 5 nhóm lĩnh vực ưu tiên



Thị trường chứng khoán

- Bất chấp dịch bệnh, một dòng tiền lớn đổ vào TTCK.
- Quy mô vốn hóa TTCK hiện đạt gần 145% GDP, gần bằng dư nợ tín dụng ngân hàng/GDP.
- Chỉ số VN-Index liên tục xác lập mức kỷ lục trên 1.500 điểm.
- Số tài khoản 'F0' đạt kỷ lục trên 1,3 triệu tài khoản.
- Thanh khoản thị trường dồi dào, nhiều mã cổ phiếu tăng trưởng kỷ lục.

Quy mô vốn hóa TTCK Việt Nam (% GDP)



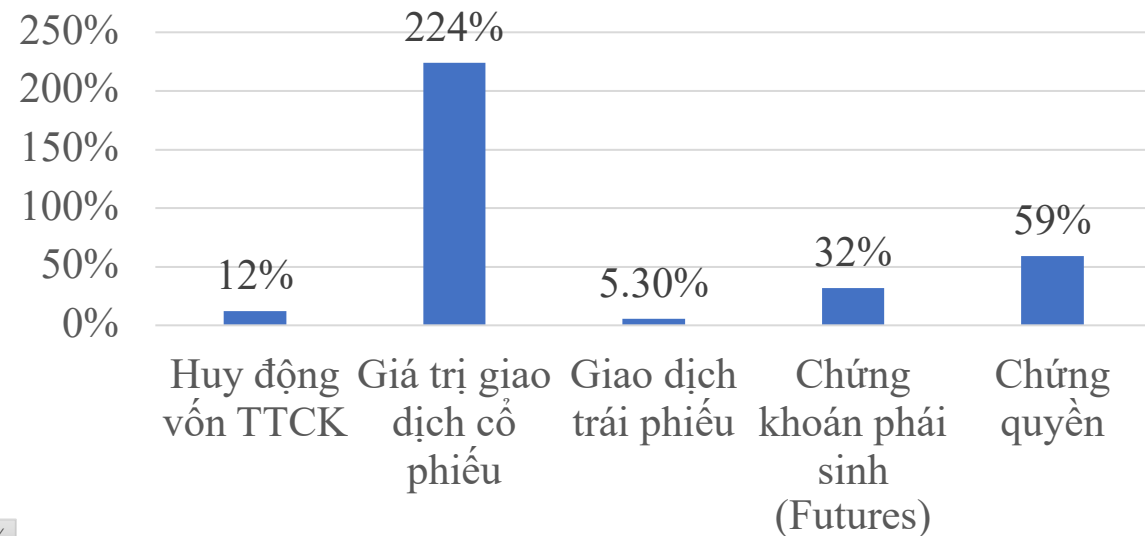
Nguồn: SSC

Tình trạng nở rộ thị trường trái phiếu doanh nghiệp



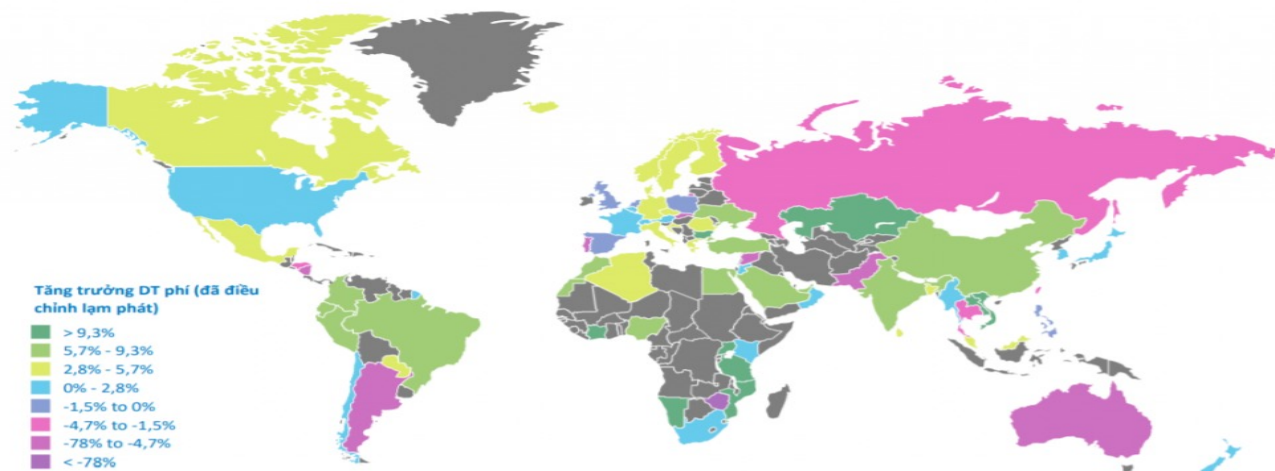
Tốc độ tăng trưởng thị trường trái phiếu doanh nghiệp so với GDP qua các năm (Ảnh ADB)

Khu vực Chứng khoán (so cùng kỳ 2020)



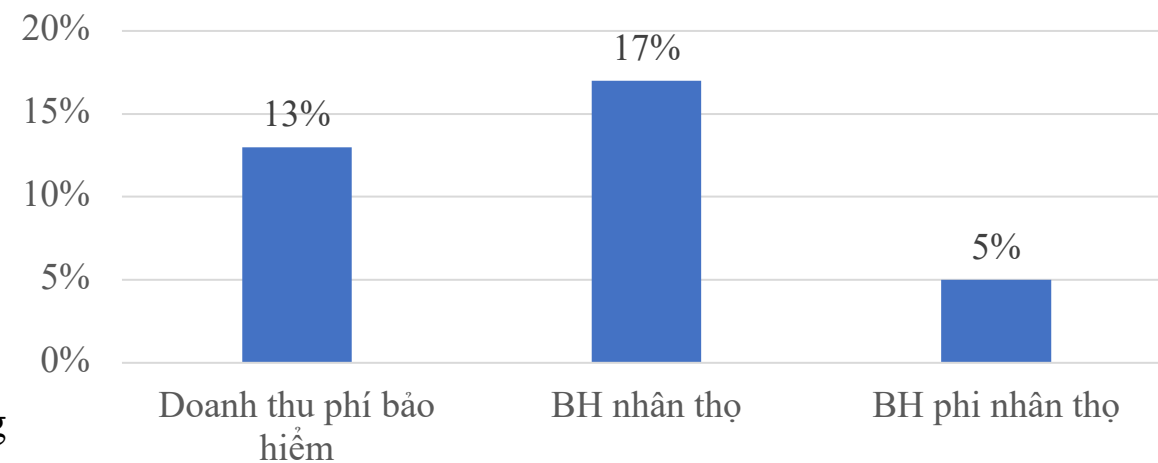
Thị trường bảo hiểm

- VN luôn nằm trong top những nước có tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm cao nhất thế giới với mức tăng bình quân từ 9-10%/năm.
- Doanh thu phí bảo hiểm đạt gần 3% GDP, 11% dân số tham gia bảo hiểm nhân thọ, do đó tiềm năng tăng trưởng là rất lớn.
- Thị trường bảo hiểm vẫn giữ được đà tăng trưởng hai con số trong 9T-2021.
- Các DN BH đã đẩy mạnh các hình thức phân phối bảo hiểm, triển khai các sản phẩm BH trực tuyến, đa dạng kênh thu phí; tăng cường đầu tư công nghệ, xây dựng hệ sinh thái số...
- Các DN BH đã đầu tư trở lại nền kinh tế hơn nửa triệu tỉ đồng, tăng 23,39% so với cùng kỳ.



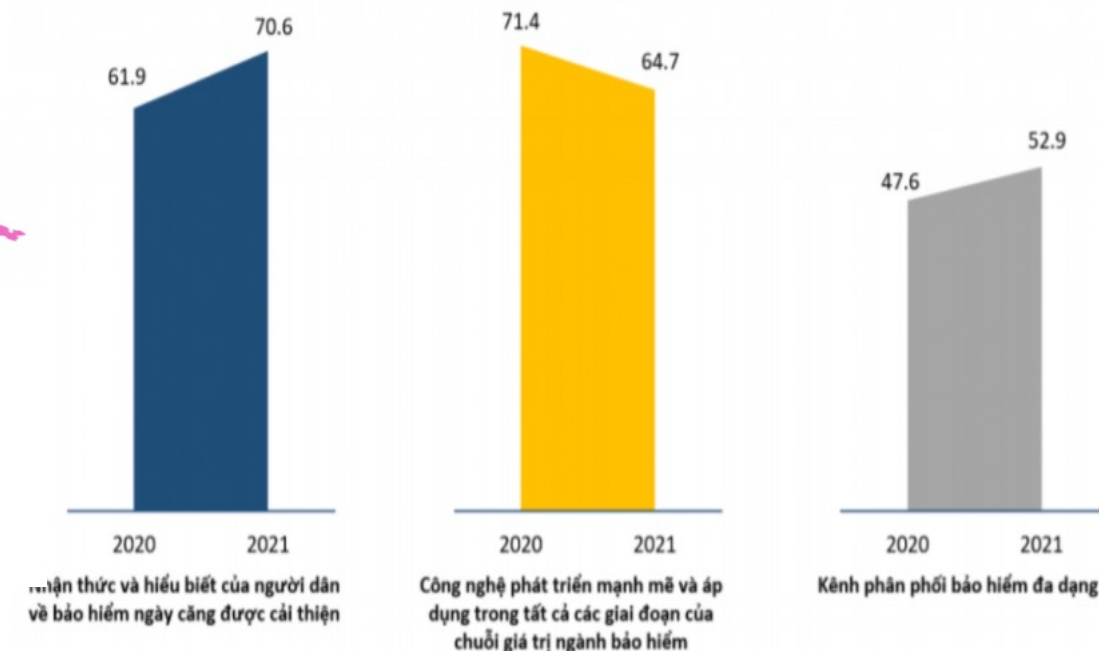
Nguồn: BVSC

Khu vực Bảo hiểm



TOP 3 ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG LỚN NHẤT CỦA DN BH

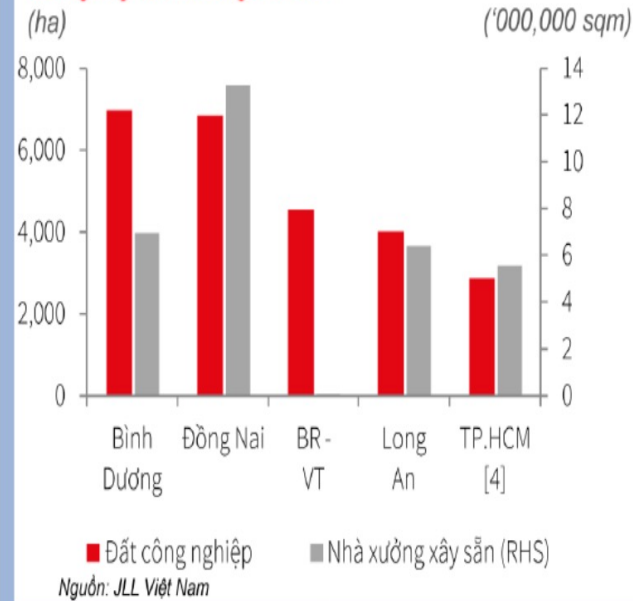
Nguồn: VNR – Đơn vị: % số DN BH



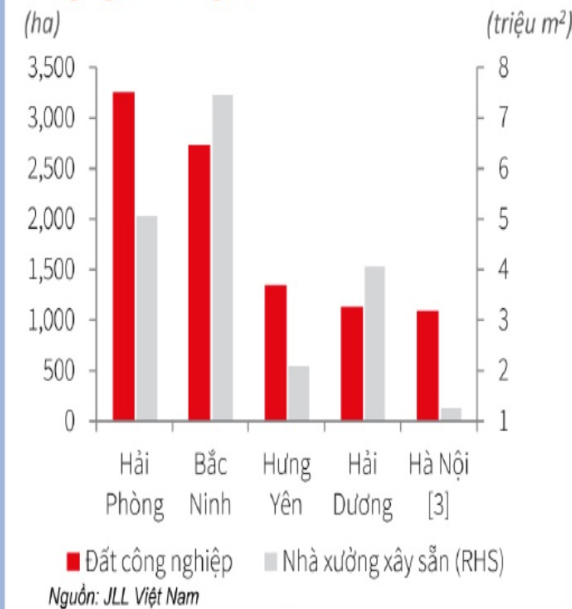
Thị trường bất động sản

- Thị trường BĐS gặp rất nhiều khó khăn thời gian qua.
- Bất động sản du lịch, nghỉ dưỡng, bán lẻ gặp khó khăn lớn nhất.
- Nhà đầu tư rất thận trọng do e ngại thanh khoản và các rủi ro về dòng tiền.
- Nhiều dự án không thể triển khai được do giãn cách xã hội.
- Pháp lý vẫn là câu chuyện dài hạn.
- Các chính sách hỗ trợ miễn/giảm tiền thuê đất có tác động không lớn.

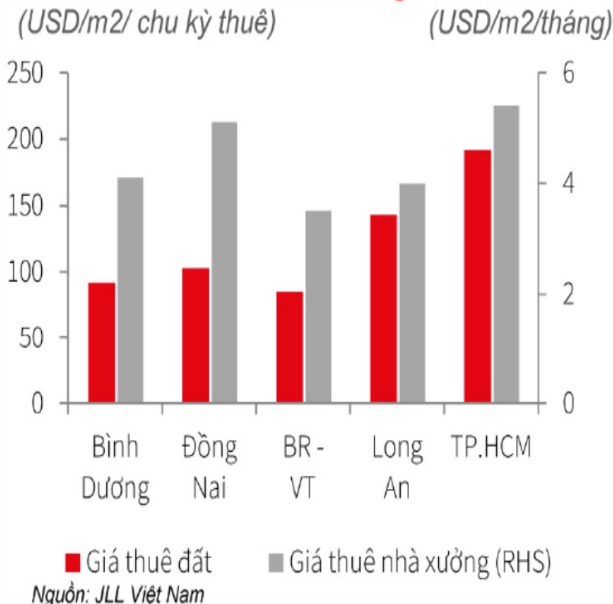
Tổng nguồn cung Q2.21



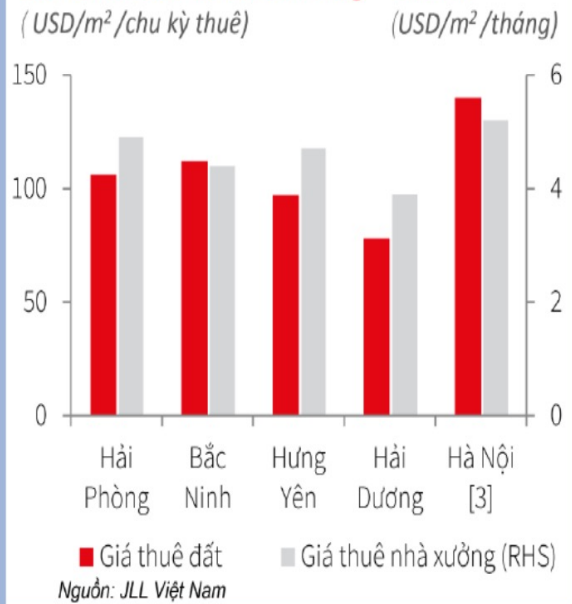
Tổng nguồn cung Q2.21



Giá thuê đất và nhà xưởng^[2] Q2.21

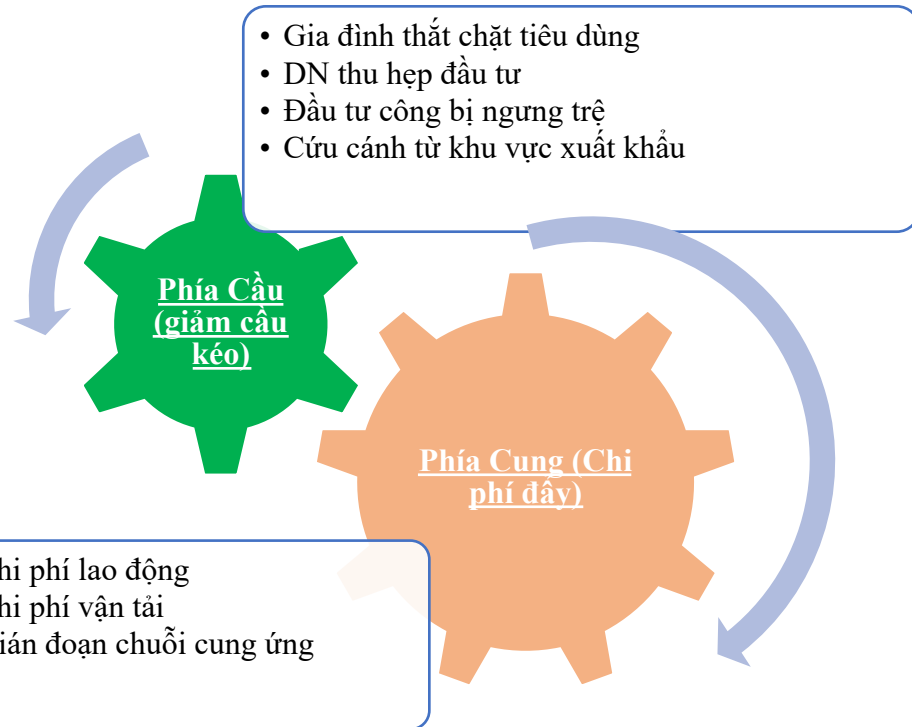


Giá thuê đất và nhà xưởng^[2] Q2.21

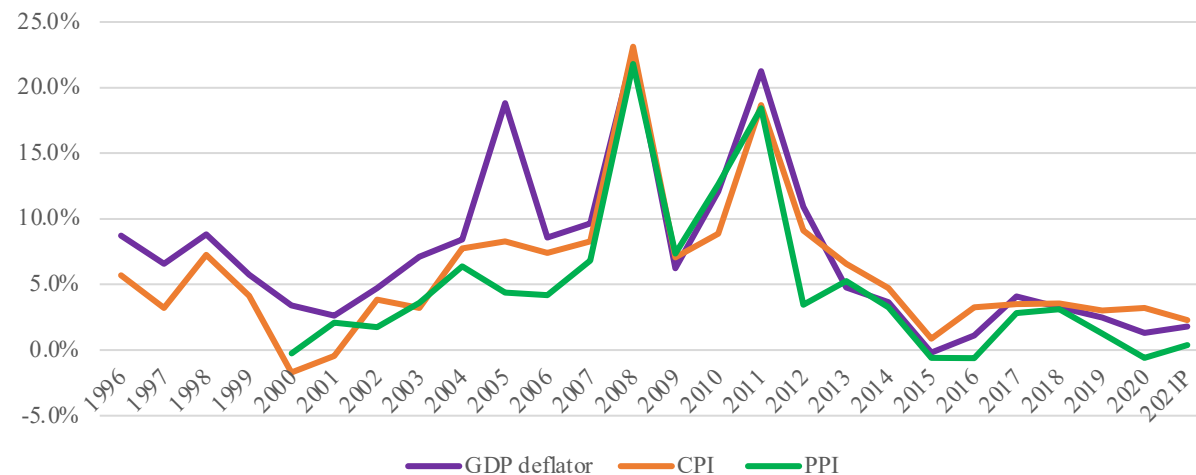


Lạm phát và giá cả

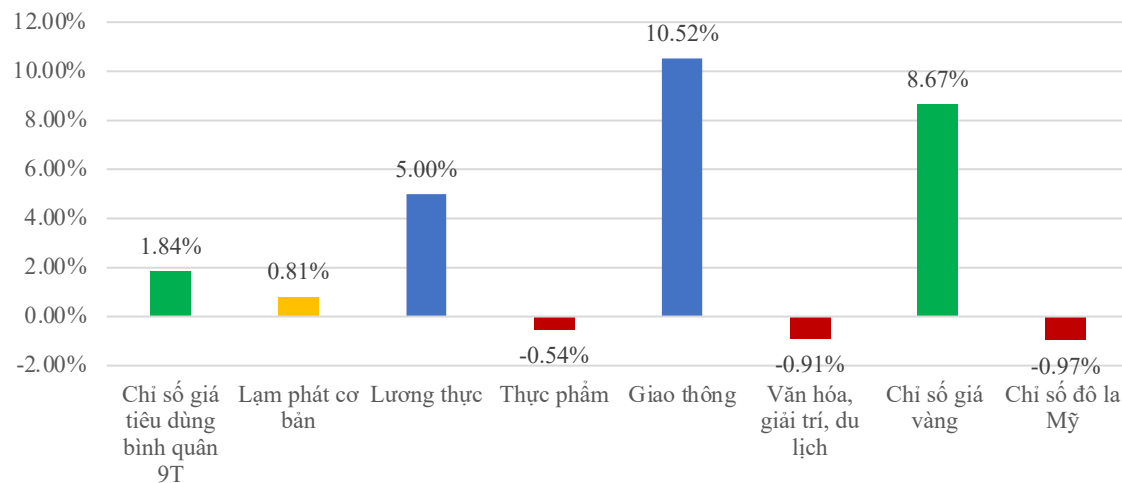
- CPI bình quân 2021 1,84% so với 2020.
- Lạm phát cơ bản bình 0,81%.
- Chỉ số giá lương thực tăng 5%, thực phẩm giảm 0,54%.
- Chỉ số giá giao thông tăng 10,52%.
- Chỉ số giá vàng tăng 8,67%.
- Chỉ số giá đô-la Mỹ giảm 0,97%.



Chỉ số lạm phát



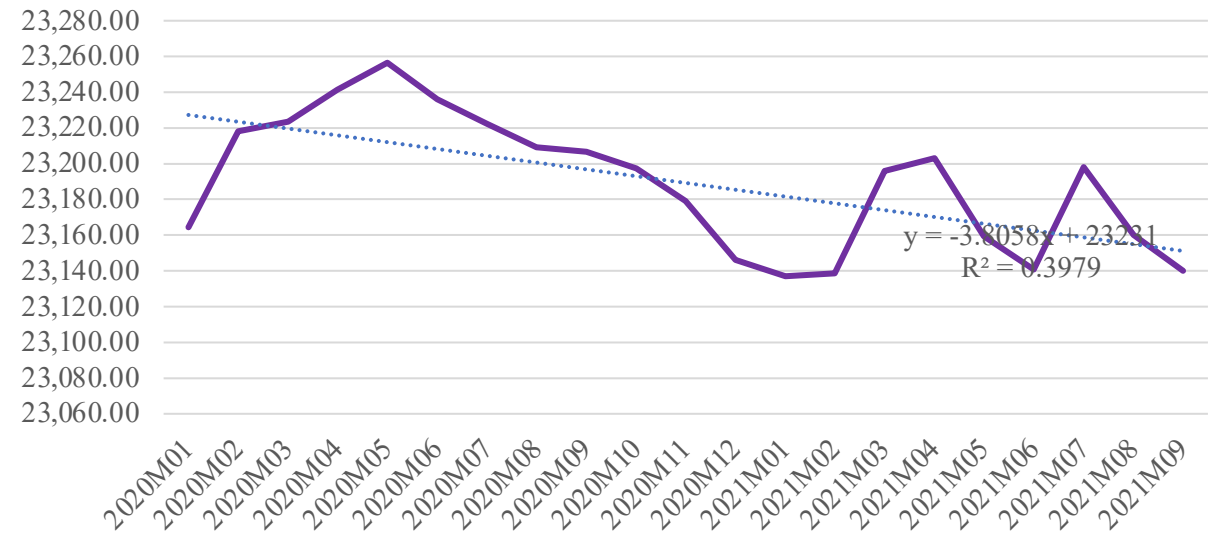
Chỉ số giá 9T (so cùng kỳ)



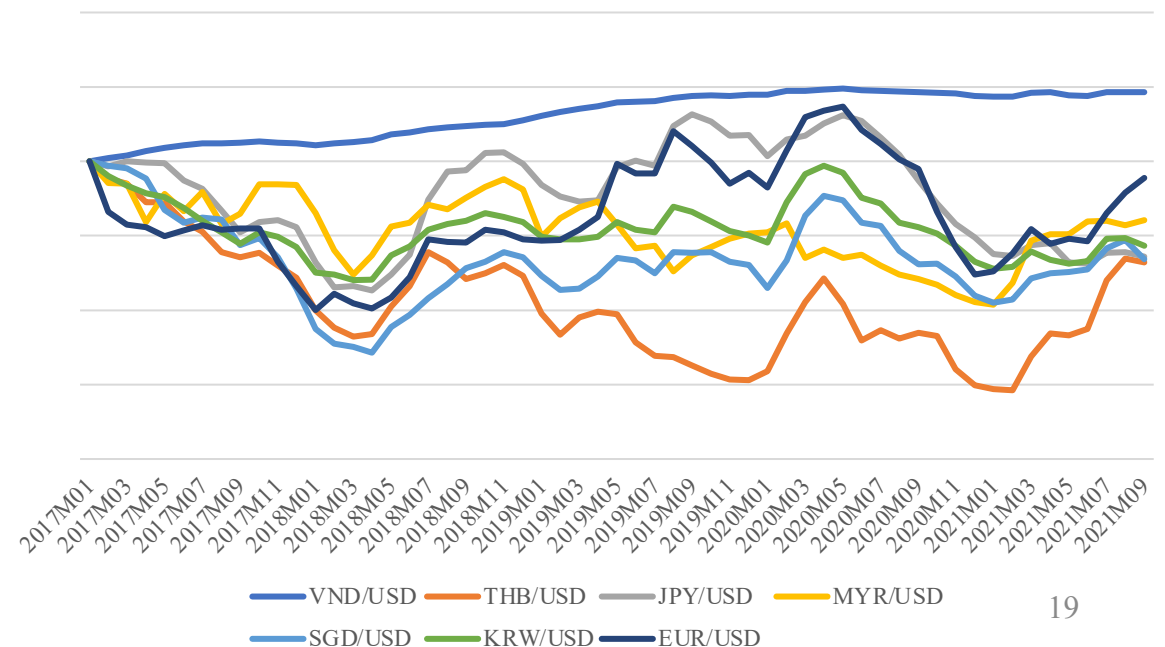
Tỷ giá hối đoái

- Tỷ giá VND/USD nhìn chung khá ổn định, tuy nhiên trong ngắn hạn vẫn có những thời điểm biến động theo hướng chủ đạo giảm (VND lên giá danh nghĩa).
- NHNN đã chủ động can thiệp thị trường ngoại hối một cách linh hoạt hơn bám sát các tín hiệu thị trường.
- Dự báo tỷ giá sẽ tiếp tục ổn định do không có nhiều xáo trộn lớn trên thị trường tiền tệ và ngoại tệ từ nay đến cuối năm.
- Tuy nhiên có một số thời điểm, tỷ giá có thể biến động giảm trong biên độ vài chục – vài trăm đồng/USD.
- DN vẫn cần phải phòng ngừa rủi ro dòng tiền, rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá bằng các sản phẩm phái sinh.

Diễn biến tỷ giá VND/USD T1:2020-T9:2021



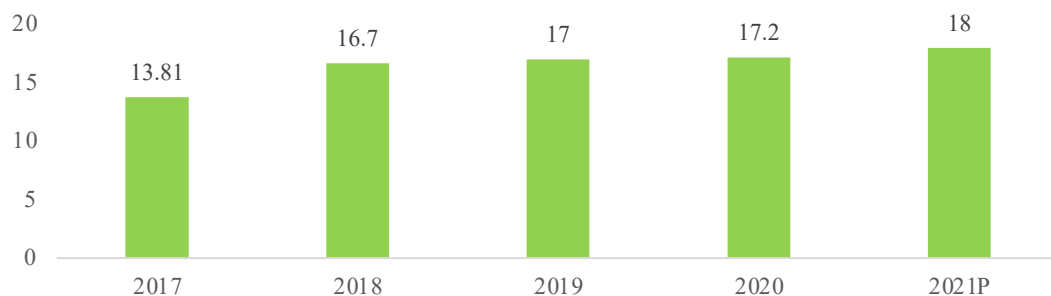
So sánh chỉ số tỷ giá VND/USD với chỉ số tỷ giá một số đồng tiền khác (T1-2017 = 100)



Cán cân vãng lai

- Tổng kim ngạch XNK 2021 đạt 668,5 tỉ USD, tăng 22,6% so với 2020, trong đó xuất khẩu hơn 336 tỉ USD, tăng 19%.
- Cán cân thương mại hàng hóa **2021 xuất siêu 4 tỉ USD**.
 - Kinh tế trong nước **nhập siêu** 25,36 tỉ USD
 - Kinh tế nước ngoài **xuất siêu** 29,36 tỉ USD
- Thị trường XNK:
 - Hoa Kỳ là thị trường XK lớn nhất:** 95,6 tỉ USD, tiếp theo là Trung Quốc, EU, ASEAN, Hàn Quốc, Nhật Bản.
 - Trung Quốc vẫn là thị trường NK lớn nhất:** 109,9 tỉ USD. Tiếp theo là Hàn Quốc, ASEAN, Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ.
- Mặt hàng XK:
 - Nông, lâm, thủy sản đạt trên 48 tỉ USD.
 - Điện thoại (57,5 tỉ USD); Điện tử, máy tính, linh kiện (51 tỉ USD); máy móc thiết bị (38,3 tỉ USD); Dệt, may (32,7 tỉ USD)...

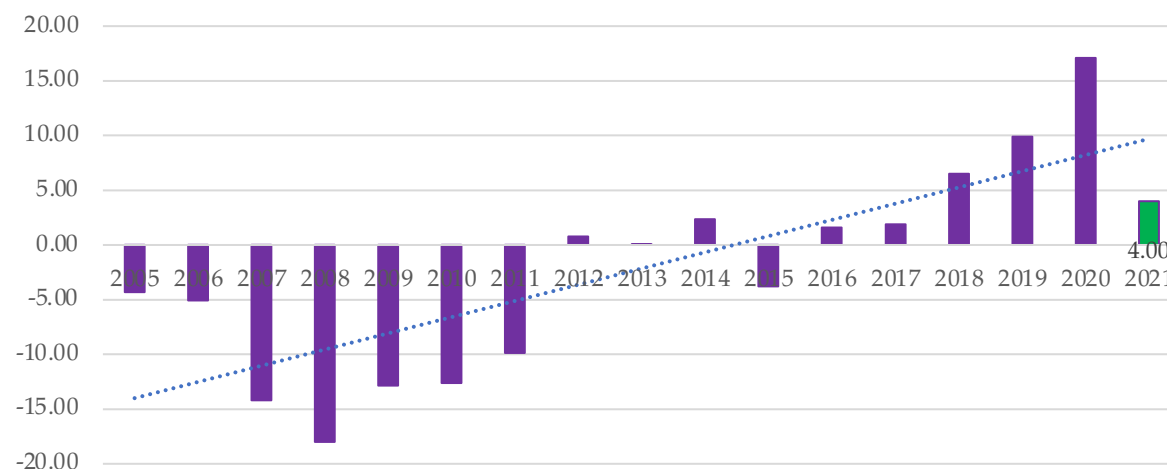
Kiêu hối vào VN (tỉ USD)



Cán cân thương mại dịch vụ

- Thâm hụt 15,7 tỉ USD**, chủ yếu do mất nguồn thu từ khách du lịch quốc tế và suy giảm dịch vụ vận tải quốc tế:
 - Du lịch quốc tế: nhập siêu 3,48 tỉ USD**
XK chỉ đạt 149 triệu USD
NK 3,63 tỉ USD
 - Vận tải quốc tế: nhập siêu 9,54 tỉ USD**
XK: 446 triệu USD
NK: 10 tỉ USD

Cán cân thương mại hàng hóa (tỉ USD)



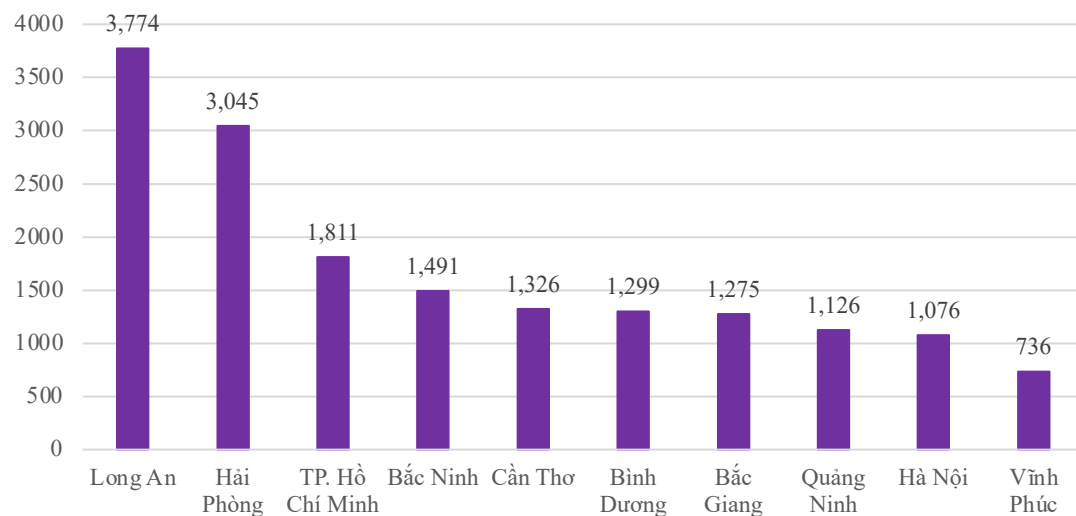
KIỀU HỐI

- VN tiếp tục nằm trong **Top 10** nước nhận kiều hối nhiều nhất thế giới.
- Bất chấp tác động của COVID-19, kiều hối vào VN vẫn tiếp tục tăng trưởng, ước đạt hơn **12,5 tỉ USD** trong năm nay.
- Nguồn kiều hối chủ yếu từ kiều bào gửi về cho thân nhân (giúp đỡ và đầu tư hộ) và thu nhập từ xuất khẩu lao động.

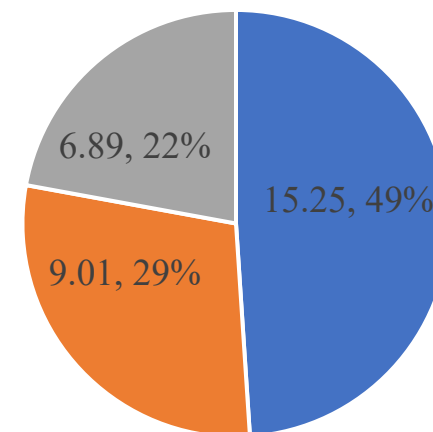
Dòng vốn và đầu tư quốc tế

- Tổng vốn đầu tư nước ngoài 2021: 31,15 tỉ USD (tăng 9,2%).
- Chiếm hơn 49%, tương đương 15,25 tỉ USD là vốn cấp mới (tăng 4,1%) cho hơn 1.738 dự án (giảm 31,1%).
- Vốn thực hiện đạt 19,74 tỉ USD, giảm 1,2% so với 2020.

Top 10 địa phương thu hút FDI nhiều nhất (triệu USD)

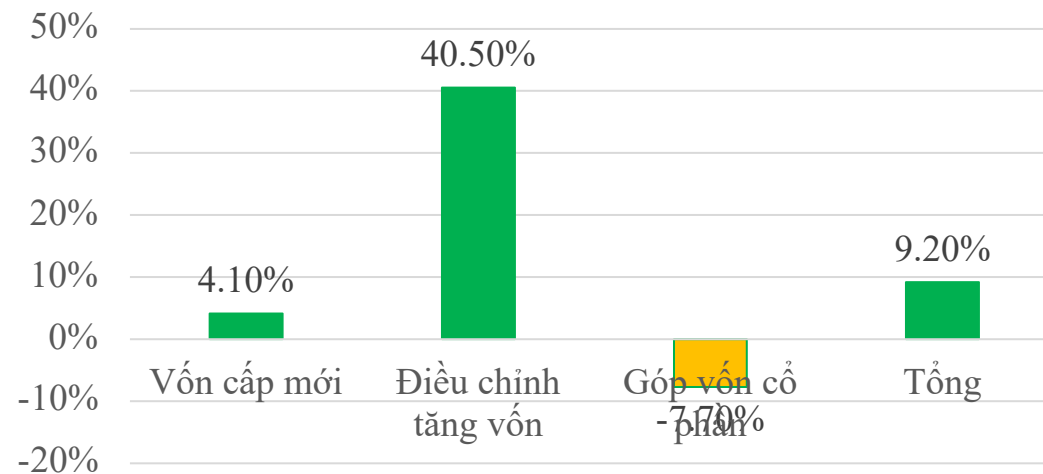


Cơ cấu vốn đầu tư nước ngoài (tỉ VND, tỉ trọng)



■ Vốn cấp mới ■ Điều chỉnh tăng vốn ■ Góp vốn cổ phần

Tăng/giảm vốn so cùng kỳ



Tóm tắt

- Kinh tế Q3-2021 là vô cùng khó khăn với mức suy giảm sâu nhất trong 35 năm Đổi mới. Tuy nhiên sự phục hồi kinh tế trong Q4-2021 là khá tích cực.
- Khó khăn lớn nhất đã ở lại phía sau, phía trước dù còn nhiều khó khăn nhưng triển vọng lạc quan hơn.
- Các địa phương đang khẩn trương tái mở kinh tế, hoạt động sản xuất đang hồi sinh; lao động, việc làm được nối lại, thu nhập sẽ tăng lên.
- Dự báo 2020 kinh tế sẽ phục hồi rõ nét hơn khi dịch bệnh được kiểm soát tốt.
- Tăng trưởng khó bùng nổ do các yếu tố dịch tễ chưa bền vững, bao phủ vaccine còn thấp, các địa phương mở cửa không đồng đều, hoạt động kinh tế do đó vẫn dè dặt.
- Nhìn các yếu tố dài hạn, VN tiếp tục là điểm sáng về tiềm năng tăng trưởng kinh tế, môi trường kinh doanh ngày càng cải thiện, độ ổn định chính trị cao, nền tảng vĩ mô khá vững, lao động dồi dào, được đào tạo tốt...
- Nền kinh tế tiếp tục cần những chính sách hỗ trợ phục hồi của Chính phủ về cả tài khóa, tiền tệ lẫn cơ cấu.
- ...

Một số khuyến nghị chính sách



- ❖ Thực hiện chính sách tài khóa nghịch chu kỳ, chấp nhận tăng bội chi và nợ công ngắn hạn.
 - Tiếp tục ưu tiên chi tiêu cho công tác chống dịch, bao phủ vaccine, hỗ trợ cho các nhóm tổn thương do COVID-19.
 - Hỗ tái kết nối thị trường lao động, tìm kiếm việc làm, đào tạo/tái đào tạo lao động.
 - Tiếp tục thực hiện chính sách an sinh xã hội, cung cấp các gói trợ cấp cho các nhóm bị tổn thương, lao động mất việc do tái cấu trúc, chuyển đổi cơ cấu.
 - Thực hiện các chính sách tài khóa kích thích tiêu dùng và sản xuất bền vững.
- ❖ Tăng phân cấp, tăng tỷ lệ điều tiết ngân sách cho một số địa phương để tăng trách nhiệm giải trình.
- ❖ Cân đối kế hoạch tài khóa trung hạn để cải thiện sự cân bằng, xây dựng vùng đệm và tái cơ cấu ngân sách, phục hồi không gian tài khóa, ứng phó với các cú sốc trong tương lai.



- ❖ Tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt theo hướng hỗ trợ phục hồi kinh tế và giữ ổn định vĩ mô.
- ❖ Định hướng giảm lãi suất cho vay hỗ trợ các nhóm/lĩnh vực ưu tiên phục hồi và/hoặc tái cấu trúc.
- ❖ Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ DN tiếp cận vốn, tái cấu trúc nợ cho DN.
- ❖ Kiểm soát chặt dòng tiền mang tính đầu cơ.
- ❖ Nới trắn tín dụng đối với một số ngân hàng có năng lực quản trị rủi ro tốt.



- ❖ Mạnh dạn mở cửa kinh tế, xóa bỏ tình trạng cát cứ kinh tế (dịch chuyển lao động, vận tải xuyên tỉnh...).
- ❖ Cải cách hành chính và môi trường kinh doanh (thuế khóa, hải quan, thủ tục hành chính...).
- ❖ Tái đào tạo lao động và kết nối cung - cầu thị trường lao động.
- ❖ Thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.
- ❖ Khuyến khích chuyển đổi số...